

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Quyên
Giảng viên hướng dẫn : TS. Nghiêm Thị Thà

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
HÓA CHẤT INCHEMCO**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Thị Quyên
Giảng viên hướng dẫn : TS. Nghiêm Thị Thà**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Quyên

Mã SV: 111108

Lớp: QT1103K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.
 - Phản ánh được thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO.
 - Đánh giá được ưu, nhược điểm của công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHMECO năm 2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHMECO

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế thị trường của nước ta trong những năm gần đây đã đạt được những bước tiến vững mạnh, các doanh nghiệp cũng đóng góp vai trò to lớn của mình cùng cả nước đưa Việt Nam ngày càng phát triển, có vị trí xứng đáng trên trường quốc tế.

Ngày nay với xu hướng tự do cạnh tranh hàng loạt các xí nghiệp, nhà máy, công ty được mở ra. Nhu cầu buôn bán trên thị trường ngày càng được mở rộng, Việt Nam đã dần trở thành một thị trường sôi động. Trong phần đóng góp của các doanh nghiệp phải kể đến phần đóng góp rất lớn của công tác quản trị tài chính trong doanh nghiệp mà hạch toán kế toán là bộ phận quan trọng của hệ thống quản trị tài chính. Đây là bộ phận gián tiếp góp phần tạo nên thành công của doanh nghiệp. Nó có vai trò tích cực trong điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế góp phần tích cực vào quản lý tài chính của nhà nước nói riêng và quản lý doanh nghiệp nói chung vì nó giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra quyết định nhanh chóng và hợp lý nhất đảm bảo cho sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra những đối sách phù hợp.

Vì vậy, để kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò chức năng của nó cần phải biết tổ chức công tác này một cách hợp lý, khoa học và thường xuyên.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị thực tập, em đã có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và tìm hiểu, em đã chọn đề tài: “ Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO” cho bài khóa luận của mình.

Nội dung của khóa luận được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Tổng quan lý luận kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.

Với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về Công ty còn hạn chế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự trao đổi, góp ý của các thầy cô giáo và các cô bác kế toán trong Công ty để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I :

TỔNG QUAN LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái niệm cơ bản.

1.1.1. Tiêu thụ sản phẩm:

- Tiêu thụ sản phẩm là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, là yếu tố quyết định nhằm thực hiện mục đích của sản phẩm hàng hoá là sản phẩm sản xuất để bán và thu lợi nhuận, đồng thời vòng chu chuyển vốn kinh doanh của doanh nghiệp được hoàn thành, tạo điều kiện tái sản xuất và mở rộng sản xuất, là cơ sở để xác định vị thế của doanh nghiệp trên thị trường.

1.1.2. Doanh thu

- Doanh thu: Là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

a. các loại doanh thu:

- **Doanh thu bán hàng:** Phản ánh doanh thu bán hàng của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong mỗi kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14_Ban hành và công bố theo quyết định số 149/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của bộ trưởng BTC:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn cả 5 điều kiện sau :

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Doanh thu cung cấp dịch vụ:** là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán của doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực 14 của bộ tài chính, kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kê toán

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b.Các khoản giảm trừ doanh thu:

- **Chiết khấu thương mại :** là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng hoá, đối với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

- Giảm giá hàng bán : là số tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua trên giá thoả thuận do hàng hoá kém phẩm chất, không đúng quy cách, thời hạn đã được quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc ưu đãi đối với những khách hàng mua sản phẩm của doanh nghiệp với khối lượng lớn .

- **Hàng bán bị trả lại:** là số tiền doanh nghiệp phải trả lại cho khách hàng do vi phạm các điều kiện cam kết trong hợp đồng như: hàng hoá kém chất lượng, hàng hoá sai quy cách, chủng loại

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hoá đã tiêu thụ, giá tính thuế và xuất khẩu của từng mặt hàng.

Trong đó :

+**Thuế TTĐB:** là số tiền thuế mà doanh nghiệp phải nộp tính trên tỷ lệ % doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh.

+ **Thuế xuất khẩu :** là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp tính trên tỷ lệ %

doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh.

+ **Thuế GTGT** của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng TGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:

$$\begin{array}{rcl} \text{Doanh thu thuần về} & \text{DT bán hàng} & \text{Các khoản giảm} \\ & = & - \\ \text{bán hàng và CCDV} & \text{và CCDV} & \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

- **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

- **Thu nhập khác :** Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

1.1.3. Chi phí

Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh, cho các hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

- Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

+ **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, Dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu

thụ giá vốn là bao gồm giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

+ **Chi phí quản lý kinh doanh:** là những chi phí liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và những hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý: bao gồm toàn bộ lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp có tính chất lương, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ của ban giám đốc, nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng trong doanh nghiệp.
- Chi phí vật liệu: bao gồm các chi phí vật liệu liên quan đến bán hàng.
- Chi phí công cụ đồ dùng: phản ánh giá trị công cụ đồ dùng phục vụ cho bán hàng và công tác quản lý.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Phản ánh các chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí về dịch vụ mua ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại...

+ **Chi phí tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán ...Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ...

+ **Chi phí khác:** Phản ánh những khoản phát sinh do các điều kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. bao gồm:

- Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế
- Các khoản chi phí khác...

+ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)**

Bao gồm: Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm

Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.4. Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí Thuế TNDN.

Xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm xác định lãi, lỗ hay nói cách khác là xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp từ đó cung cấp thông tin ra bên ngoài và cho ban lãnh đạo nhằm có những bước đi hiệu quả trong thời gian tiếp theo. Thông qua việc xác

định kết quả kinh doanh doanh nghiệp có thể biết được hiệu quả kinh doanh của mình, Khả năng cạnh tranh từng loại hàng hóa để có thể hoạch định các phương án kinh doanh có hiệu quả.

1.2.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và hạch toán đầy đủ, chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, các khoản làm giảm doanh thu phát sinh trong kỳ.

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.3.Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.3.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.3.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

a) Chứng từ sử dụng.

Tùy theo hình thức bán hàng, phương thức thanh toán kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...)

- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại...

b) Tài khoản sử dụng.

Phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng các tài khoản sau:

✧ **Tài khoản 511** – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 5 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

✧ **Tài khoản 3331** - Thuế GTGT chi tiết TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra

Tài khoản này áp dụng chung cho đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế và đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

d) Kết cấu tài khoản 511:

Bên Nợ:

- Số thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng, các khoản giảm giá hàng bán, các khoản chiết khấu

thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ

Như vậy doanh thu thuần được xác định như sau:

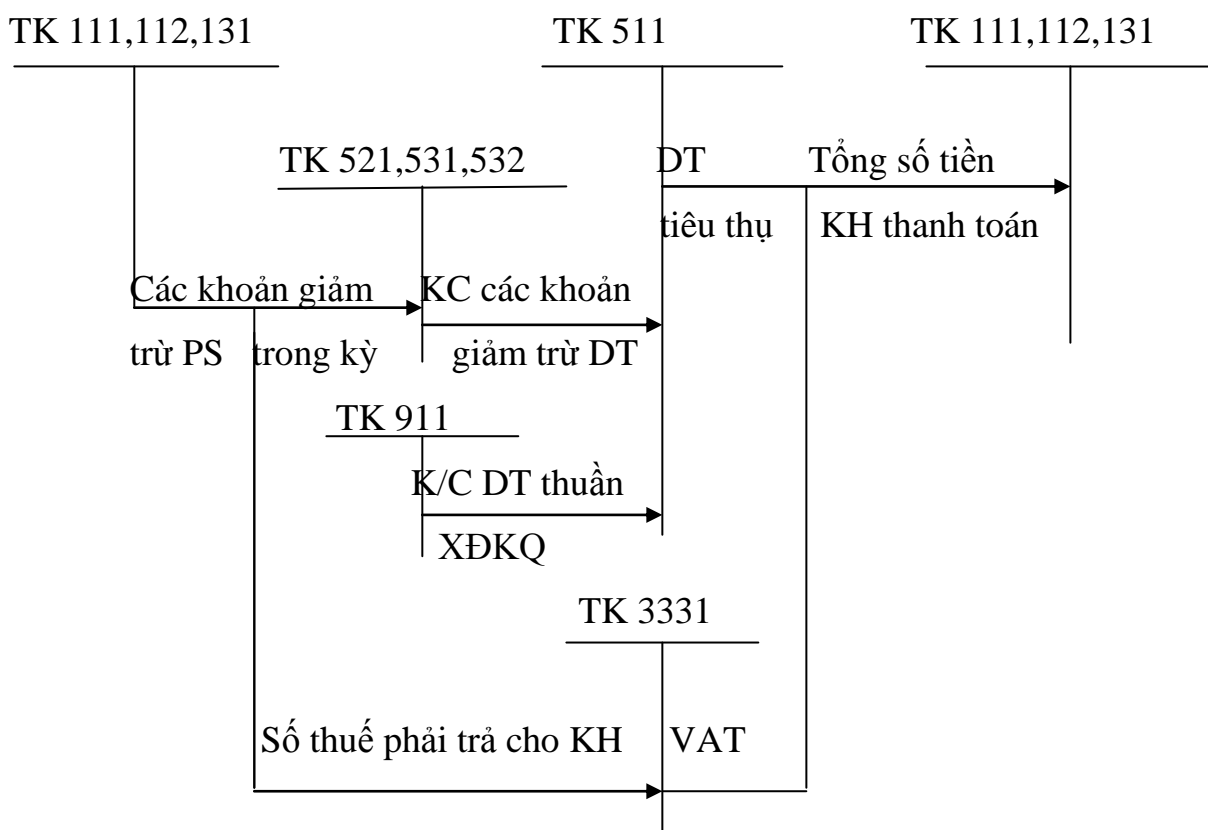
$$\text{Doanh thu thuần} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

e) *Kế toán doanh thu theo các phương pháp bán hàng.*

♦ TH1: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp.

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

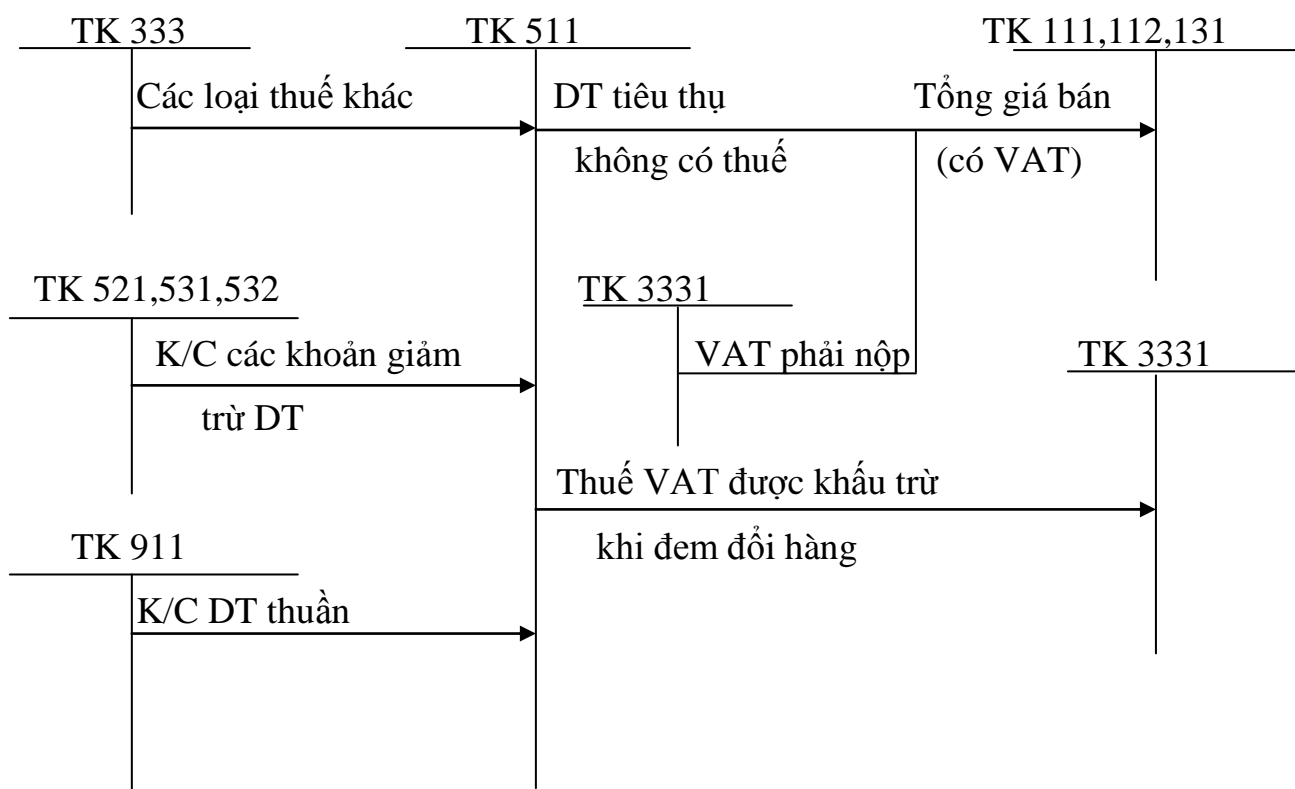
Sơ đồ 1.3.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp.



◆ **TH2: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức chuyển hàng chờ nhận.**

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

Sơ đồ 1.3.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận



◆ **TH3: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng.**

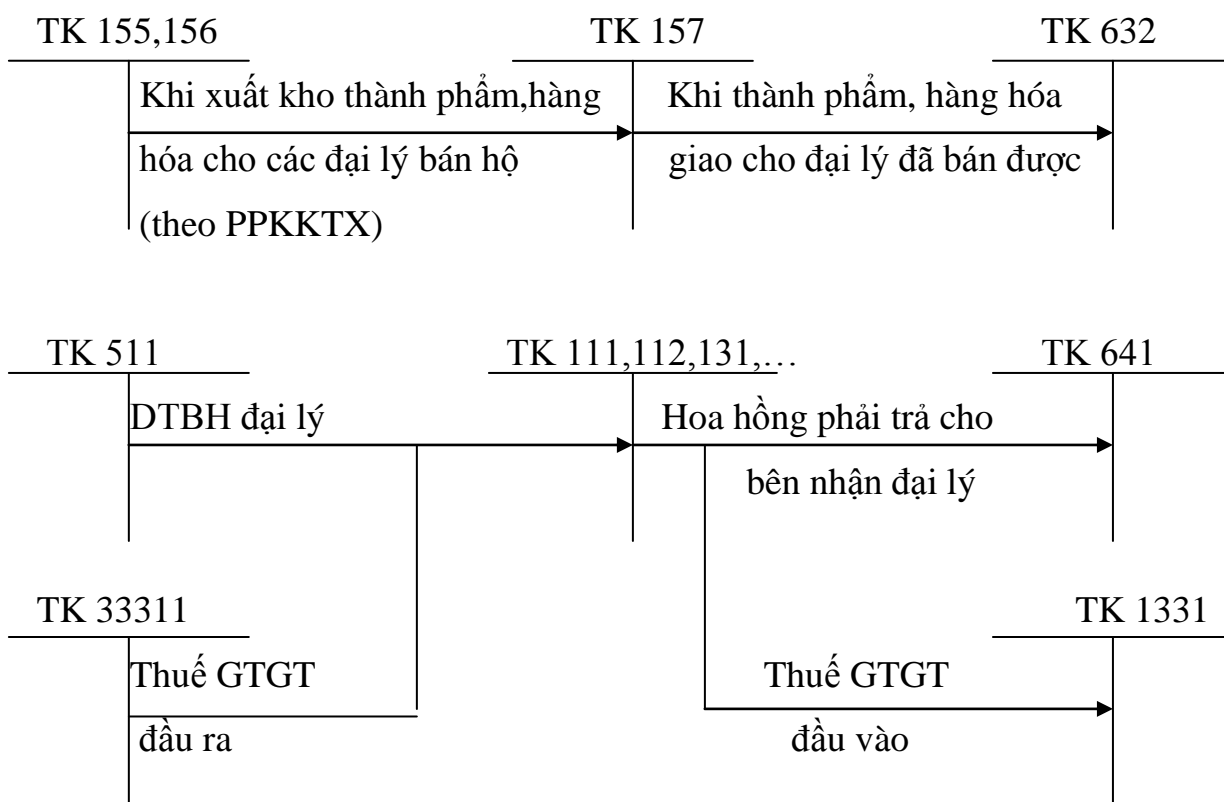
Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đó sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho doanh nghiệp và nhận hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý.

Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và được hạch toán vào TK 641.

- Đối với bên nhận đại lý: Với số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản và bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

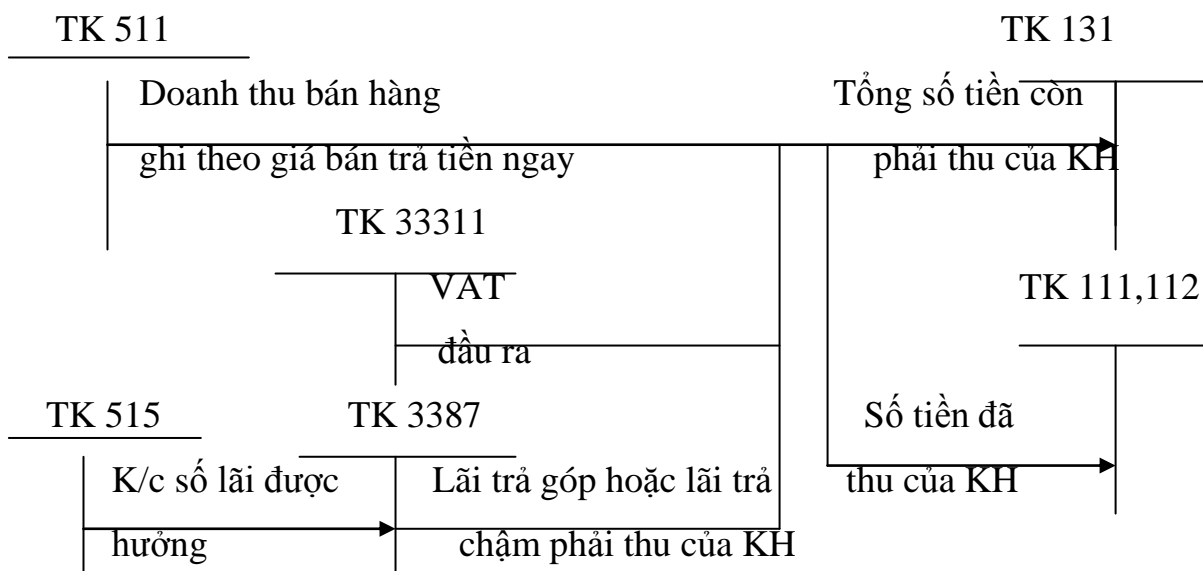
Sơ đồ 1.3.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng.



◆ TH4: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm.

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

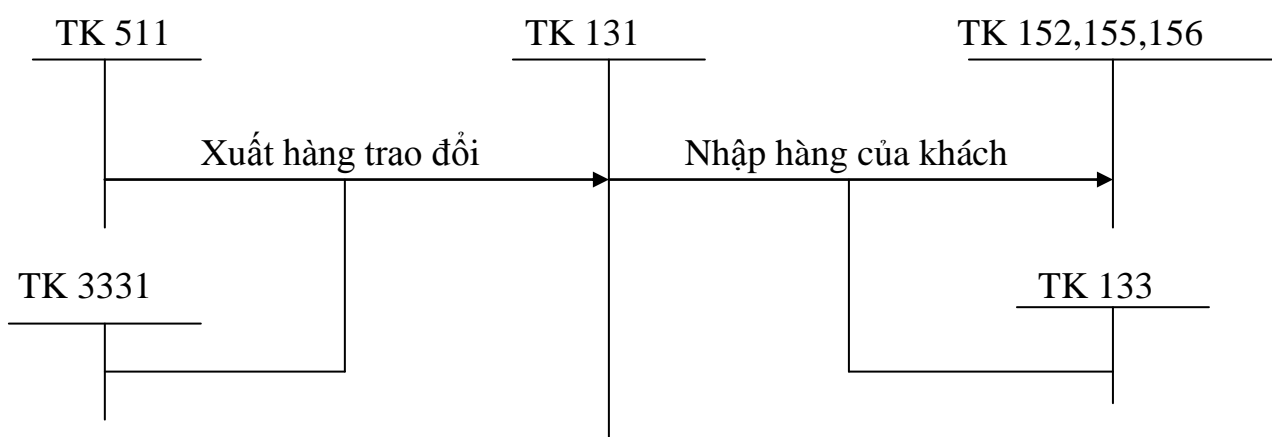
Sơ đồ 1.3.4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm



◆ TH5: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng không tương tự.

Khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

Sơ đồ 1.3.5: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng không tương tự



1.3.1.2. Doanh thu bán hàng nội bộ

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong một công ty, tổng công ty...

➤ TK sử dụng: TK 512:" Doanh thu bán hàng nội bộ"

TK này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá bán nội bộ.

TK 512: Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

➤ Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế TTĐB phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

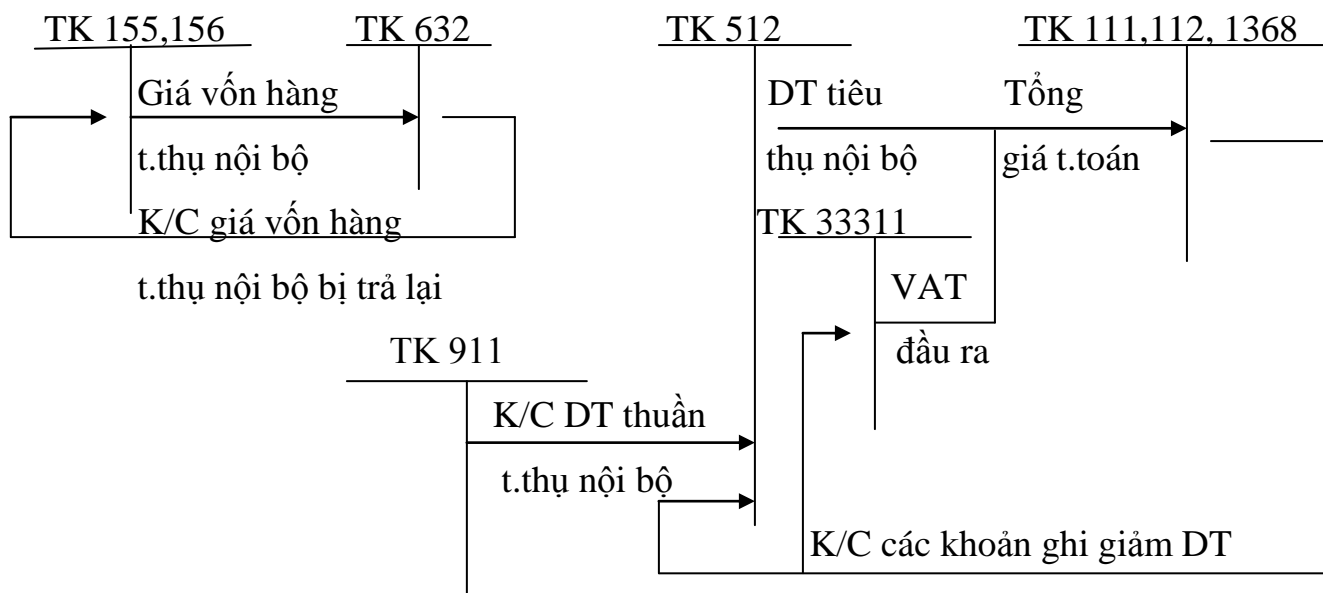
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Bên Có:

- Tổng doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 512 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.3.6: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

*** Các chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Nguyên tắc hạch toán:**

- Chỉ hạch toán vào khoản triết khấu thương mại nếu như khoản triết khấu thương mại được trừ ngoài hóa đơn. Chỉ được hạch toán vào khoản triết khấu thương mại nếu như doanh nghiệp có những quy định về triết khấu thương mại.
- Chỉ hạch toán vào tài khoản hàng bán bị trả lại khi có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.
- Chỉ phản ánh vào tài khoản giảm giá hàng bán do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn, tức là sau khi đã có hóa đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài khoản này số giảm giá được ghi trên hóa đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng

giá trị ghi trên hóa đơn.

1.3.2.1. Chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

➤ TK sử dụng: TK 521: Chiết khấu thương mại. Trong đó:

TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá

TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại(Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

➤ Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có:

Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511:" Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

TK 521 không có số dư cuối kỳ.

1.3.2.2. Hàng bán bị trả lại

Hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách.

➤ TK sử dụng: TK 531

TK này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng

trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại qui cách....Giá trị của hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kì kinh doanh để tính toán doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

Hàng bán bị trả lại nhập kho thành phẩm hàng hoá và xử lý theo chính sách tài chính thuế hiện hành.

➤ Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc trừ vào các khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

Bên Có:

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ TK 511:" Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" hoặc TK 512: " Doanh thu bán hàng nội bộ" để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

TK 531 không có số dư cuối kỳ.

1.3.2.3. Giảm giá hàng bán.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trong hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách đã ghi trong hợp đồng.

➤ Tài khoản sử dụng: TK 532

TK này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém chất lượng, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn(giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất.

➤ Kết cấu tài khoản

Bên Nợ:

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai qui cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

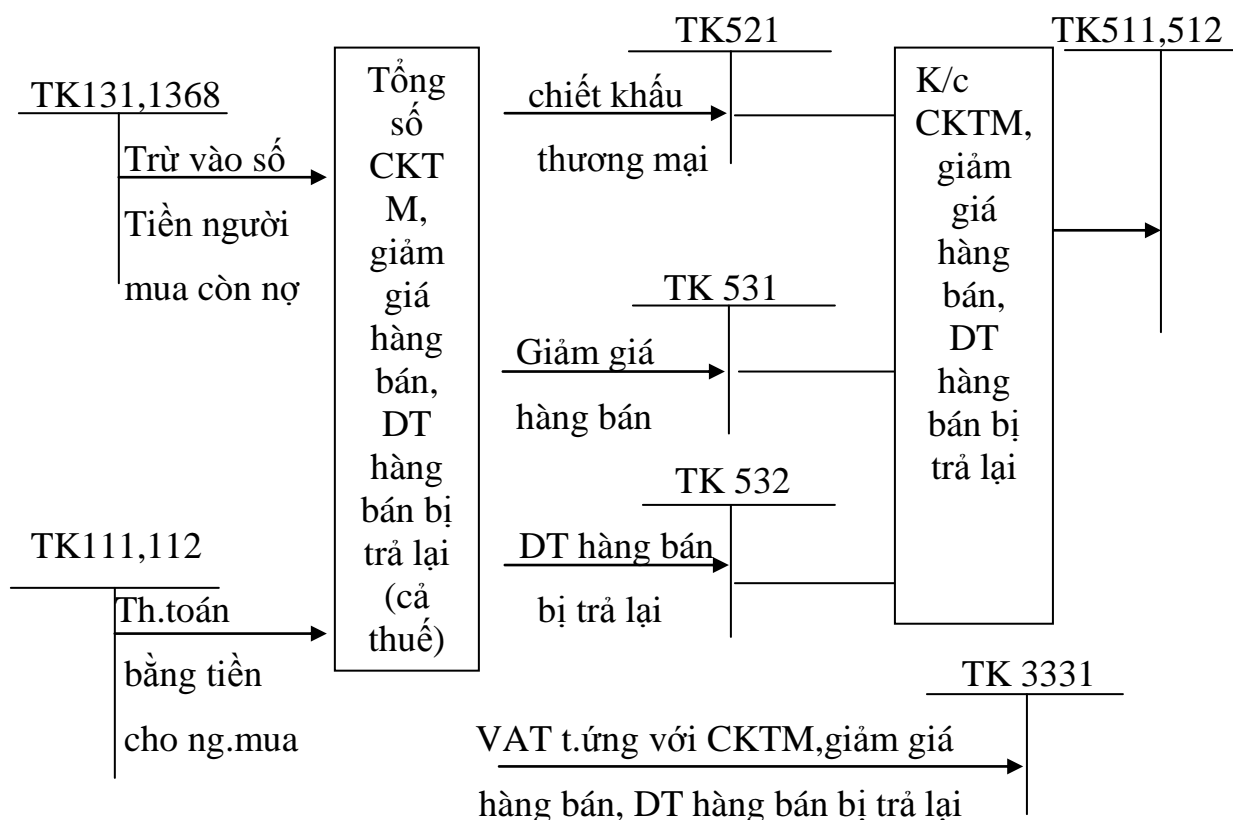
Bên Có:

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511:"Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" hoặc TK 512:"Doanh thu bán hàng nội bộ".

TK 532 không có số dư cuối kỳ.

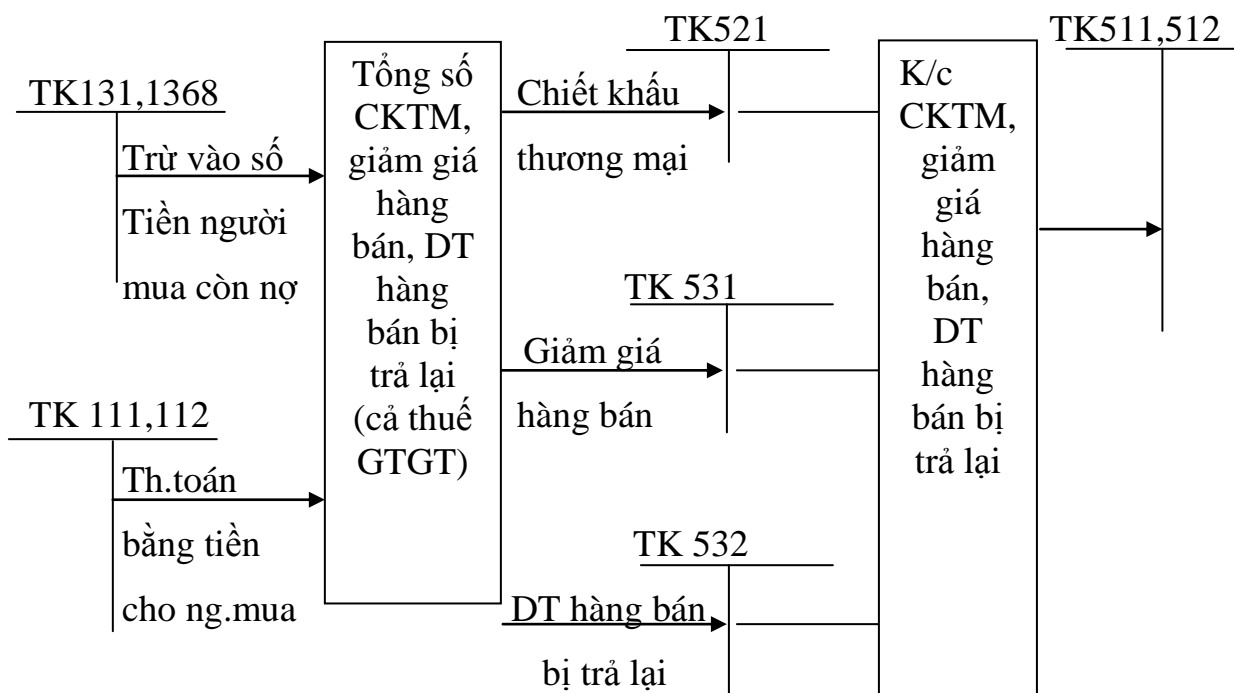
Sơ đồ 1.3.7: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

(Trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).



Sơ đồ 1.3.8: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

(Trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



1.3.3.Kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

a). Chứng từ sử dụng.

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng thông thường

b)Phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

Trị giá vốn hàng bán được sử dụng để xác định kết quả kinh doanh là toàn bộ chi phí kinh doanh liên quan đến quá trình bán hàng, bao gồm: Trị giá vốn hàng xuất kho, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

► Phương pháp tính theo giá đích danh:

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

► Phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Số lượng hàng xuất kho}} * \text{Đơn giá bình quân}$$

✓ Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

✓ Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế hàng hóa tồn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn sau lần nhập } i}$$

► Phương pháp nhập trước - xuất trước:

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ

hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

► Phương pháp nhập sau - xuất trước:

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

c) *Tài khoản sử dụng:*

Kế toán sử dụng các TK chủ yếu sau:

✦ TK 155 – Thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có và tình hình biến động của các loại thành phẩm của doanh nghiệp.

✦ TK 156 – Hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại kho, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

TK 156 có 3 tài khoản cấp 2:

TK 1561 – Giá mua hàng hóa

TK 1562 – Chi phí thu mua hàng hóa

TK 1567 – Hàng hóa bất động sản

✦ TK 157 – Hàng gửi bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi cho khách hàng hoặc nhờ bán đại lý, ký gửi; hàng hóa, sản phẩm chuyên cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc để bán; trị giá dịch vụ đã hoàn thành, bàn giao cho người đặt hàng nhưng chưa được chấp nhận thanh toán. Tài khoản này được dùng cho tất cả các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc mọi lĩnh vực.

✦ TK 611 – Mua hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

TK 611 chỉ áp dụng đối với DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

TK 611 không có số dư và có 2 TK chi tiết cấp 2:

TK 6111 – Mua nguyên liệu, vật liệu

TK 6112 – Mua hàng hóa

✦ TK 632 – Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

Ngoài ra, TK này còn phản ánh trị giá hàng hoá, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

d) Kết cấu tài khoản 632:

Bên Nợ:

Đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh phản ánh:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- + Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911: "Xác định kết quả kinh doanh".

Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

e) Các phương pháp hạch toán giá vốn

+ *)Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.*

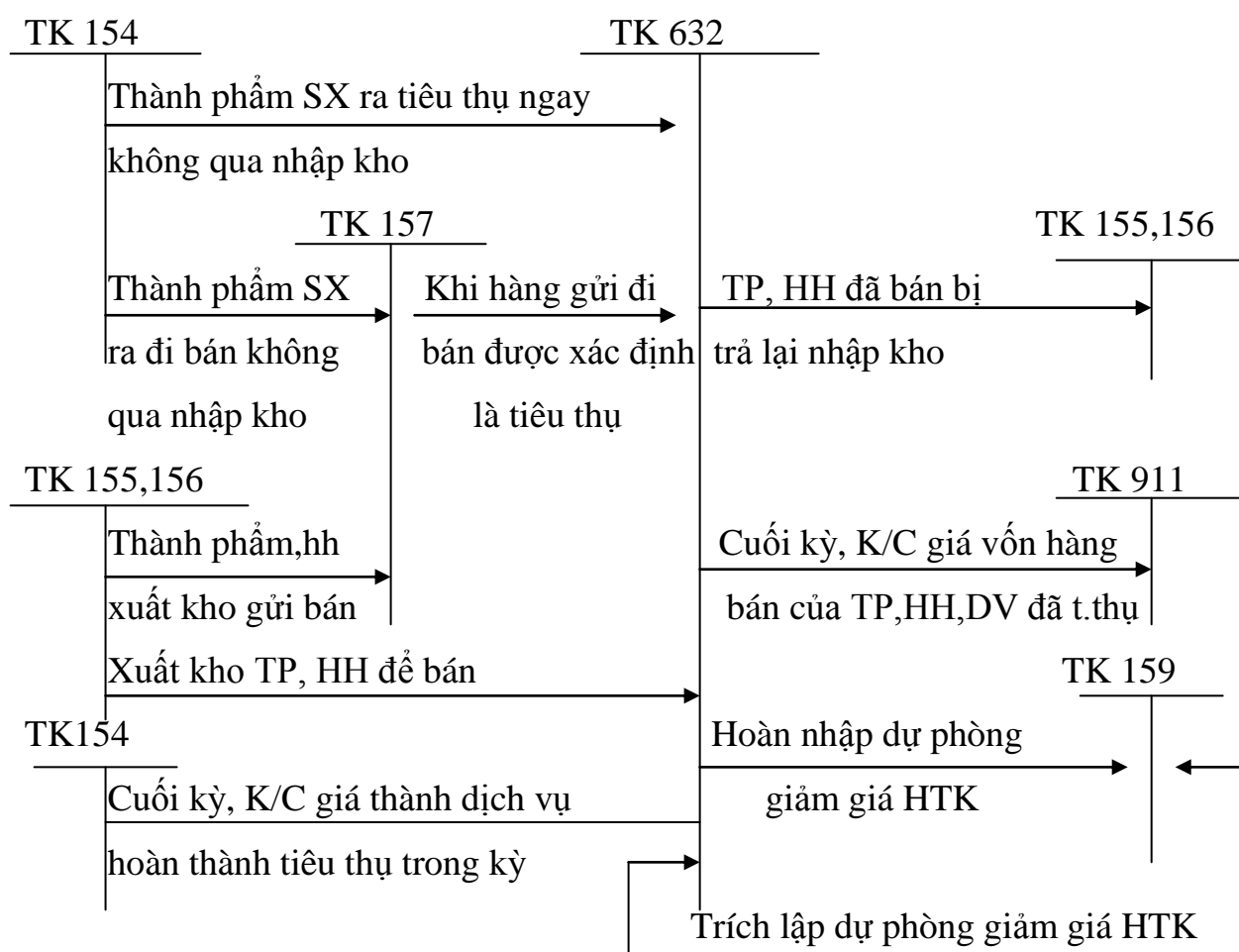
Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi

chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất.

Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ 1.3.9: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



+) Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng, xác định trị giá vốn của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

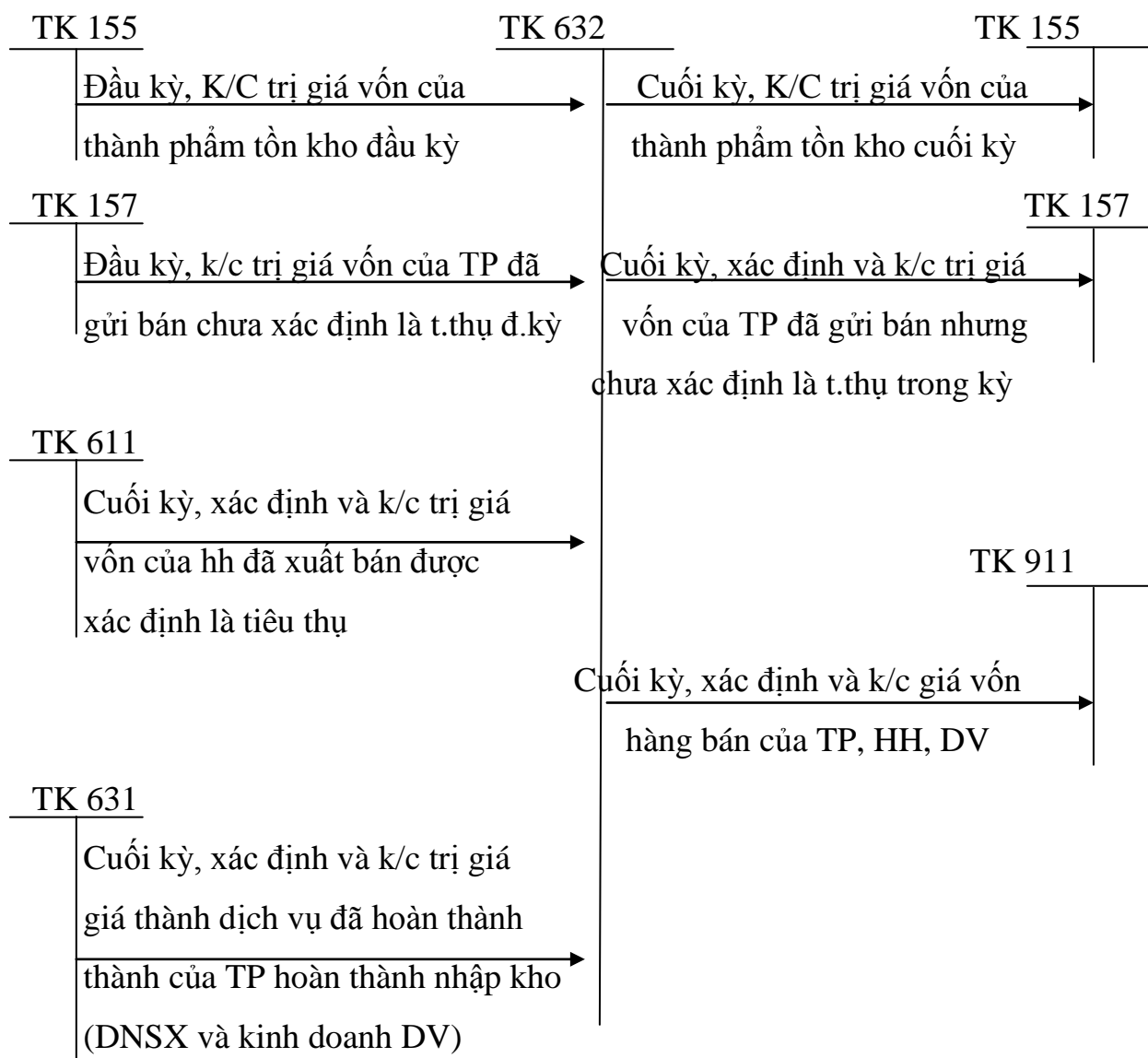
$$\begin{array}{cccc} \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập đầu kỳ} & + & \text{tồn cuối kỳ} \end{array}$$

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho đã chọn để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

$$\begin{array}{cccccc} \text{Trị giá} & \text{Trị giá} & \text{Trị giá vốn} & \text{Trị giá} & \text{Trị giá} & \text{Trị giá vốn thực} \\ \text{vốn của} & \text{thực tế} & \text{của HH gửi} & \text{thực tế} & \text{vốn thực} & \text{tế của HH gửi} \\ \text{hàng} & = & \text{của HH} & + & \text{của HH} & - & \text{tế của HH} & - & \text{bán chưa xác} \\ \text{bán} & & \text{tồn kho} & & \text{nhập kho} & & \text{tồn kho} & & \text{định là tiêu} \\ \text{trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} & & \text{thụ cuối kỳ} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} & & \text{thụ cuối kỳ} \end{array}$$

Khác với phương pháp KKTĐ, phương pháp KKĐK sử dụng thêm TK 611 và các nghiệp vụ chỉ thực hiện vào đầu và cuối các chu kỳ kế toán. Các nghiệp vụ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3.10: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK.



1.3.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí hội nghị khách hàng, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hàng sản phẩm, hàng hóa, khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của

nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuê nhà đất, thuê môn bài, khoản lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, chi phí dịch vụ mua ngoài (tiếp khách), hội nghị, công tác phí...) (Giá có thuế, hoặc chưa có thuế GTGT)

a) *Chứng từ sử dụng.*

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng.

b) *Tài khoản sử dụng.*

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Trong đó:

- TK 6421- *Chi phí bán hàng*: Dùng để phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- TK 6422 – *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Dùng để phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

c) *Kết cấu tài khoản:*

Bên Nợ:

- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.

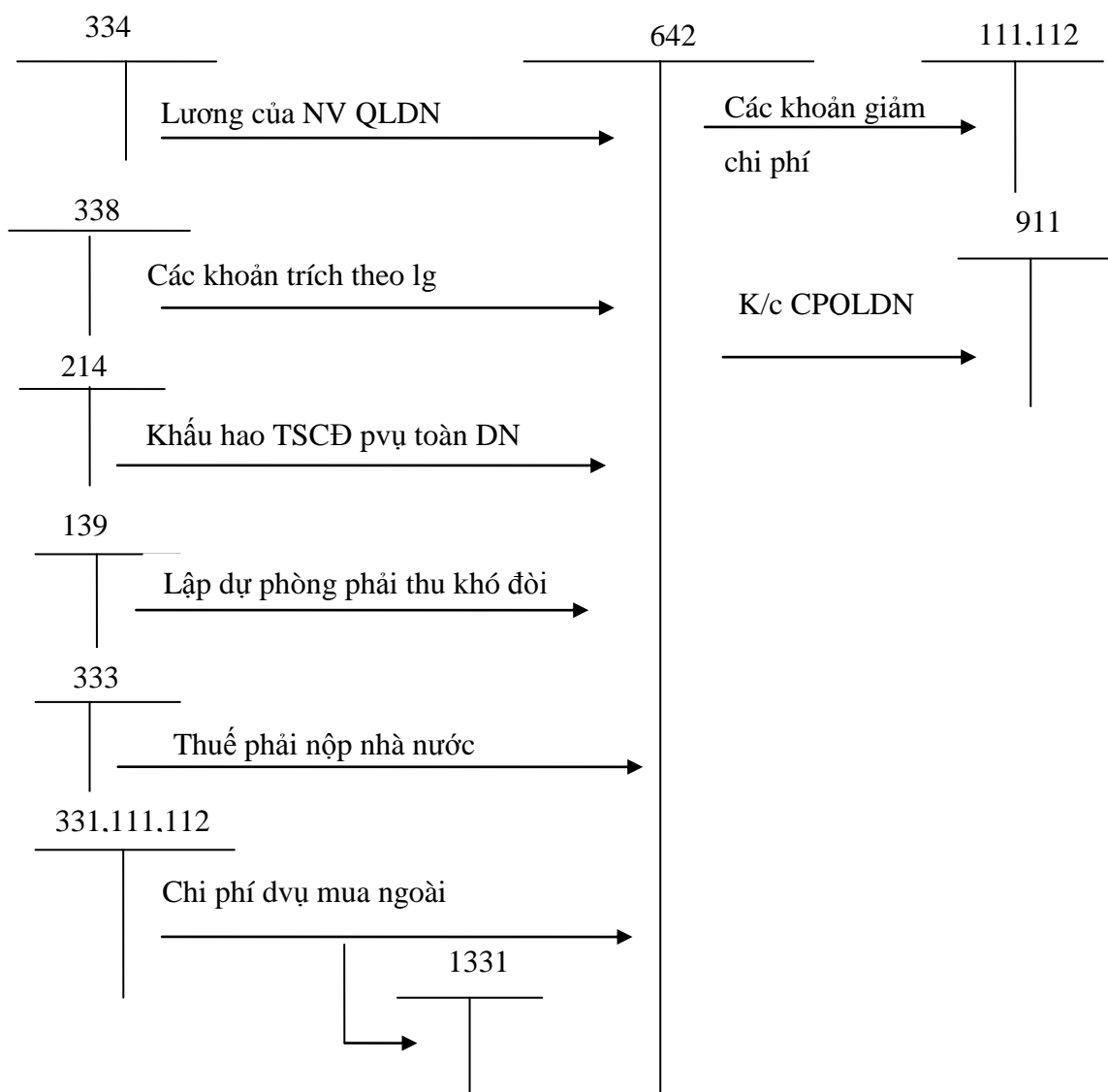
Bên Có:

- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ.
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh sang TK 911: "Xác định kết quả kinh doanh".

TK 642 - chi phí quản lý kinh doanh

Tập hợp chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ	Các khoản giảm trừ chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. K/c CPQLDN sang TK 911 để tính KQKD hoặc K/c CPQLDN sang TK 142 để chờ phân bổ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Sơ đồ 1.3.11. Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.3.5. Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính.

1.3.5.1. Kế toán doanh thu tài chính.

✧ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng các giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ các hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán và doanh thu từ các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

⇒ Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:

✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

⇒ Doanh thu tài chính được xác định trên cơ sở:

✓ Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

✓ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền ghi nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận.

➤ TK sử dụng: TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

TK này phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp(nếu có)

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911-" Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.

- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

- Chiết khấu thanh toán được hưởng

- Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh

- Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

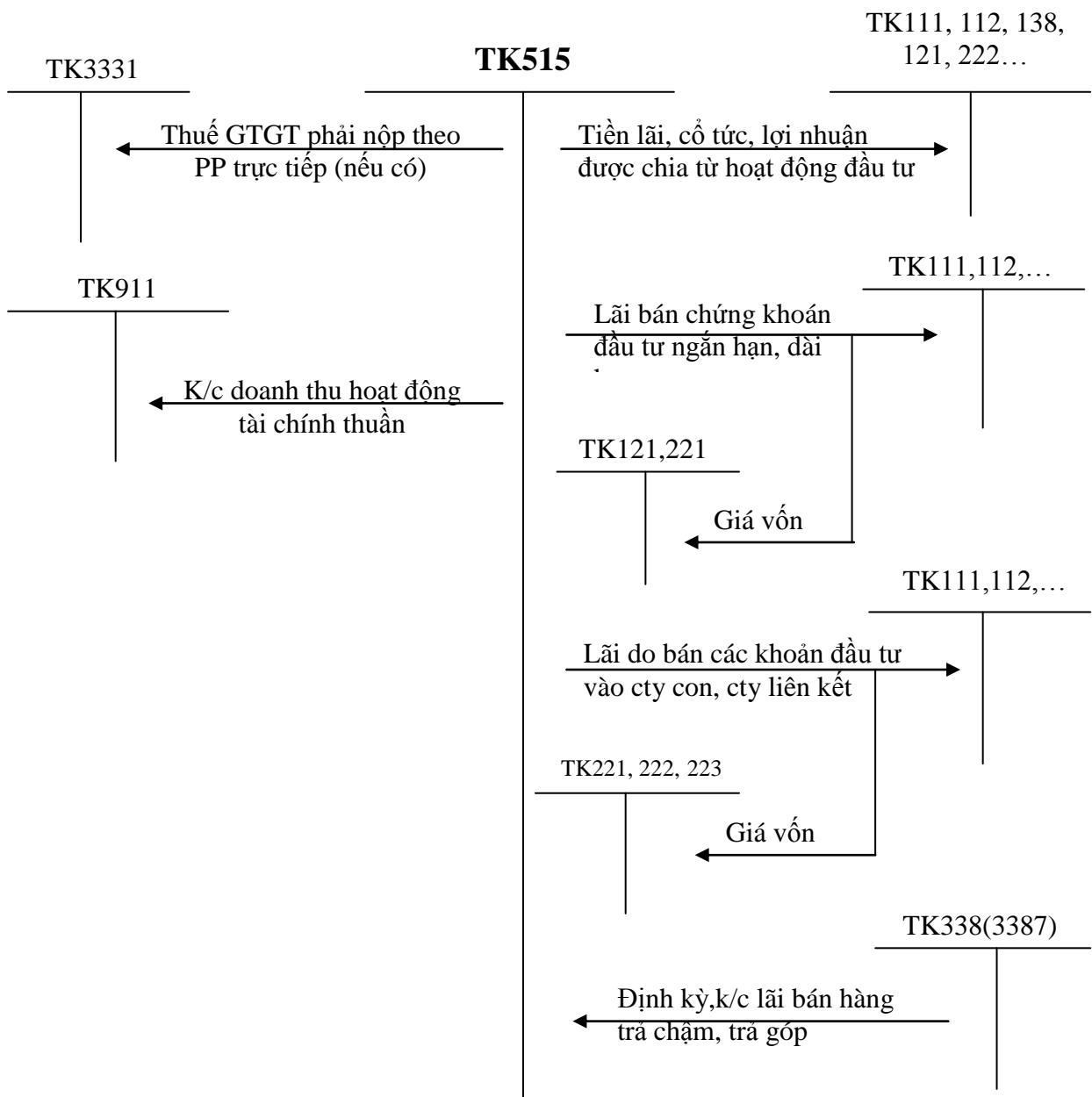
Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	Doanh thu HĐTC gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi - Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản - Chênh lệch về do bán ngoại tệ - Thu nhập về hoạt động đầu tư CK
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

TK 515 không có số dư cuối kì

❖ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.3.12: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.3.5.2. Kế toán chi phí tài chính.

Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

- TK sử dụng: TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
- Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỉ giá hối đoái phát sinh trong kì của hoạt động kinh doanh(Lỗ tỉ giá hối đoái đã thực hiện)
- Lỗ tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh(Lỗ tỉ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỉ giá- giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán(Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kì này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kì kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì để

xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

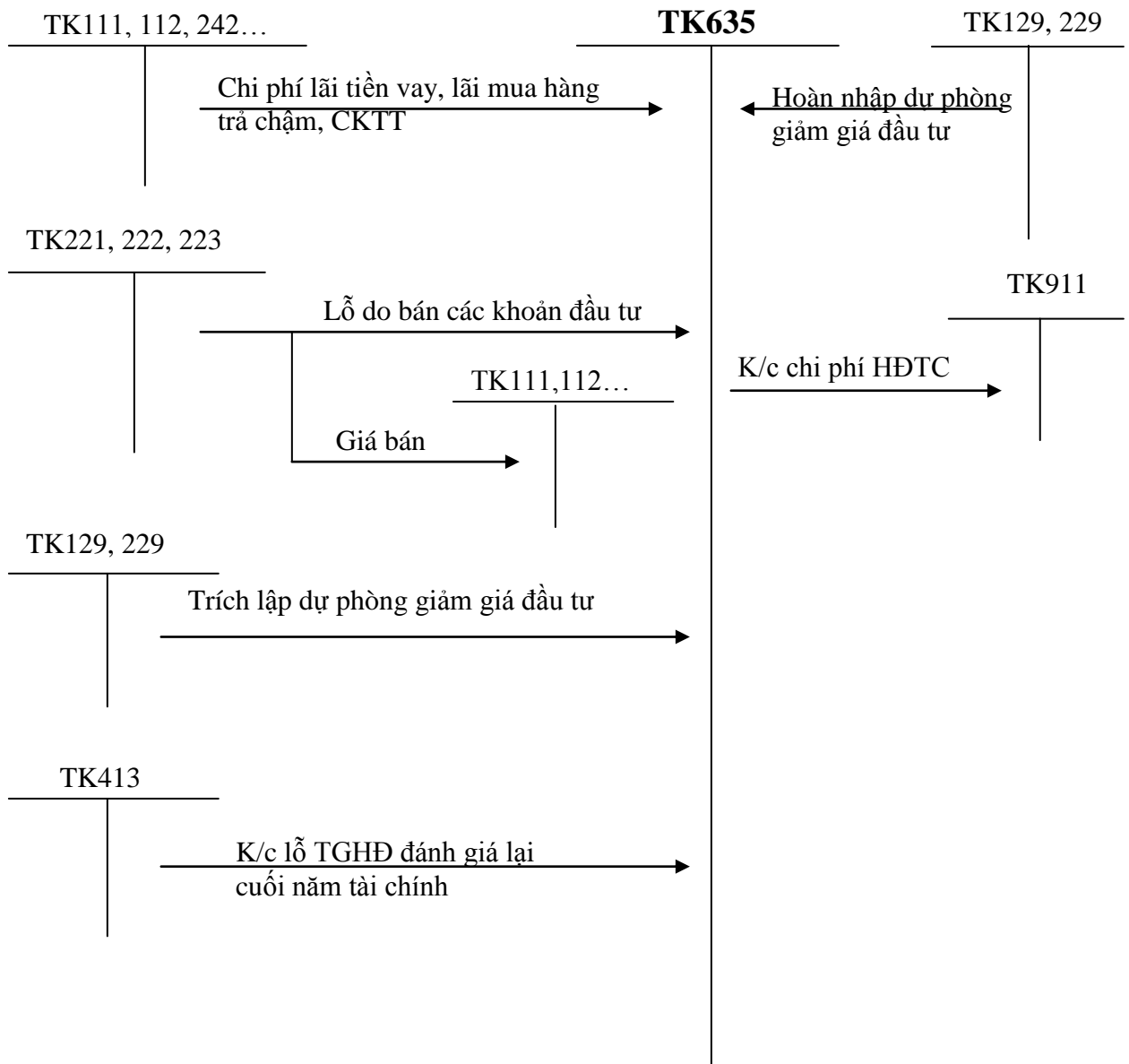
Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”

<ul style="list-style-type: none">- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế.- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	<ul style="list-style-type: none">- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ *Sơ đồ hạch toán:*

Sơ đồ 1.3.13: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.3.6. Kế toán các khoản thu nhập khác, chi phí khác.

1.3.6.1. Kế toán các khoản thu nhập khác.

➤ TK sử dụng: TK 711-" Thu nhập hoạt động khác"

TK này dùng để phản ánh các khoản thu nhập hoạt động khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

➤ Kết cấu và nội dung phản ánh:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kì kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì sang TK 911-" Xác định kết quả kinh doanh"

Bên Có:

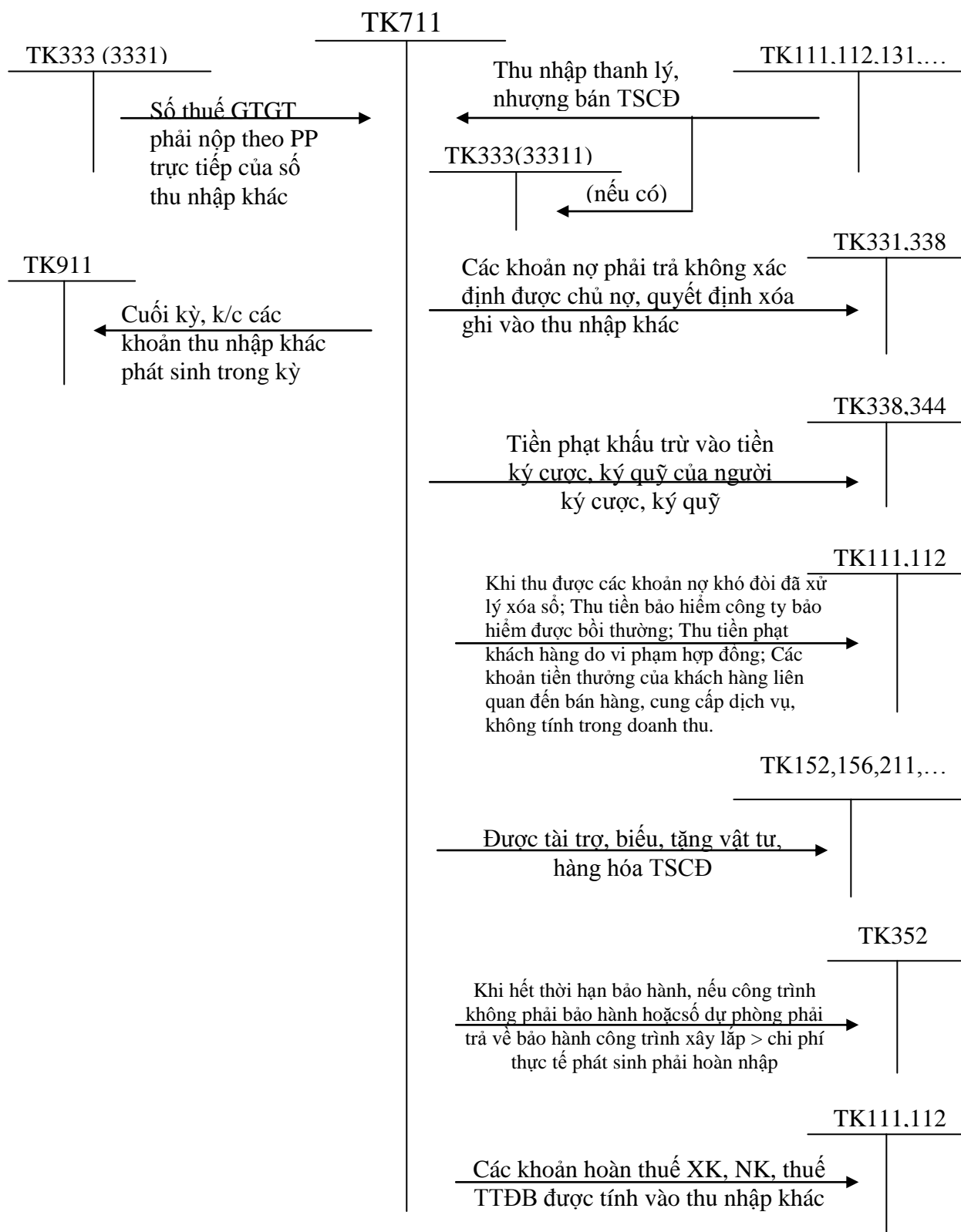
Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì TK 711-" Thu nhập khác" không có số dư cuối kì.

Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp - Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác sang tài khoản 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ. - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp. - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

❖ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.3.14: Kế toán thu nhập khác



1.3.6.2. Kế toán các chi phí hoạt động khác.

Gồm: Chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ **Chi phí khác:** là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.

- Các khoản chi phí khác

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Là loại thuế đánh trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

➤ TK sử dụng: TK 811-"Chi phí khác"

Loại tài khoản này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí(lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

➤ Kết cấu và nội dung phản ánh:

Bên Nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

Cuối kì, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kì vào TK 911-"Xác định kết quả kinh doanh"

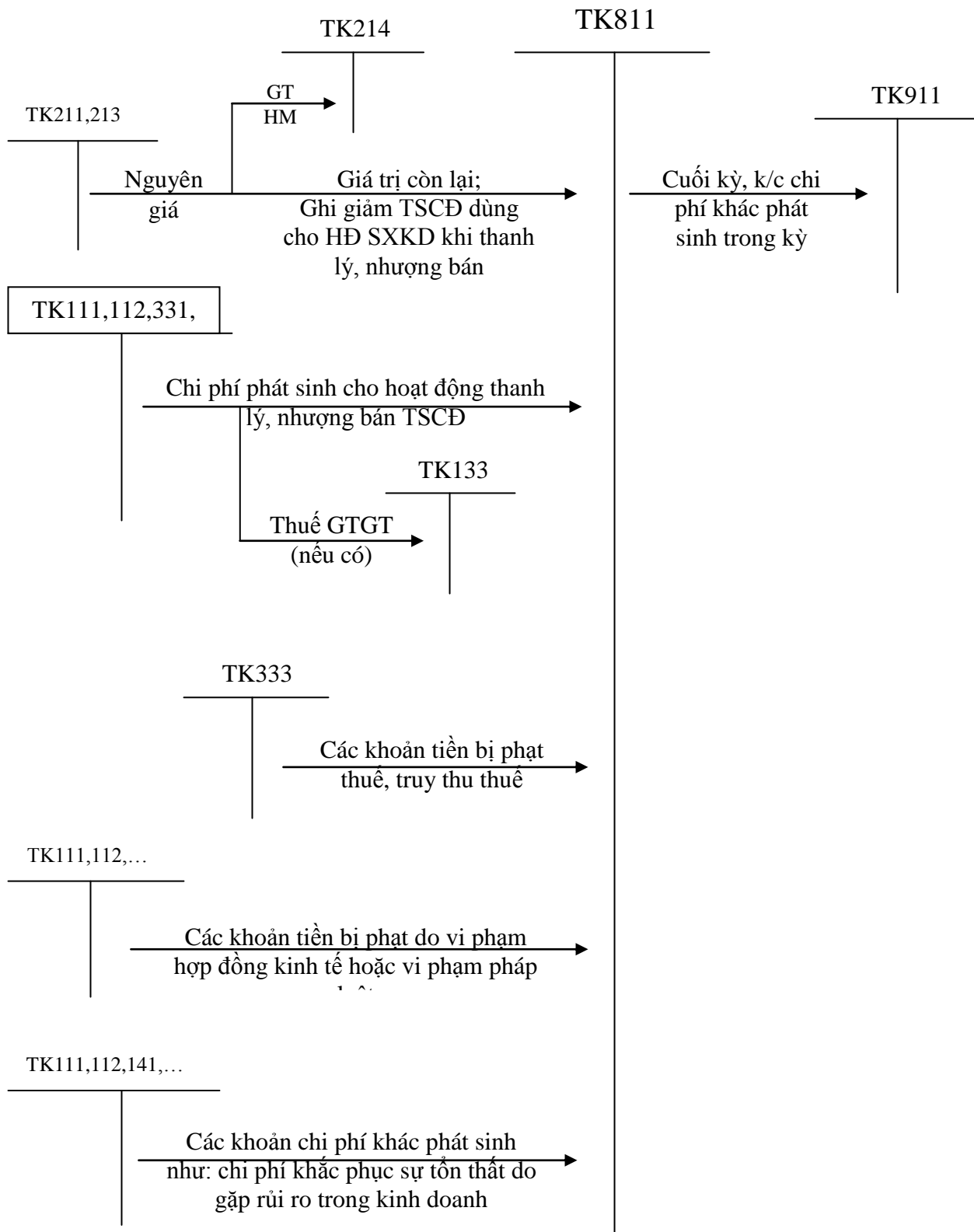
Tài khoản 811 “ Chi phí khác”

Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

- Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.3.15: Kế toán chi phí khác



1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.3.7.1. Kế toán chi phí thuế TNDN:

a) Chứng từ sử dụng:

Phiếu kế toán

b) Tài khoản sử dụng:

TK 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

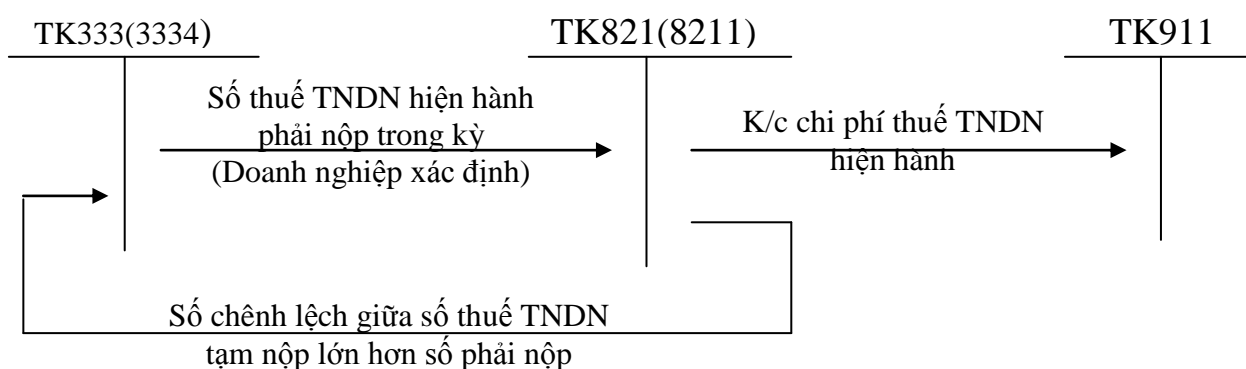
Các tài khoản cấp 2:

✓ TK 8211 – “Chi phí thuế TNDN hiện hành”

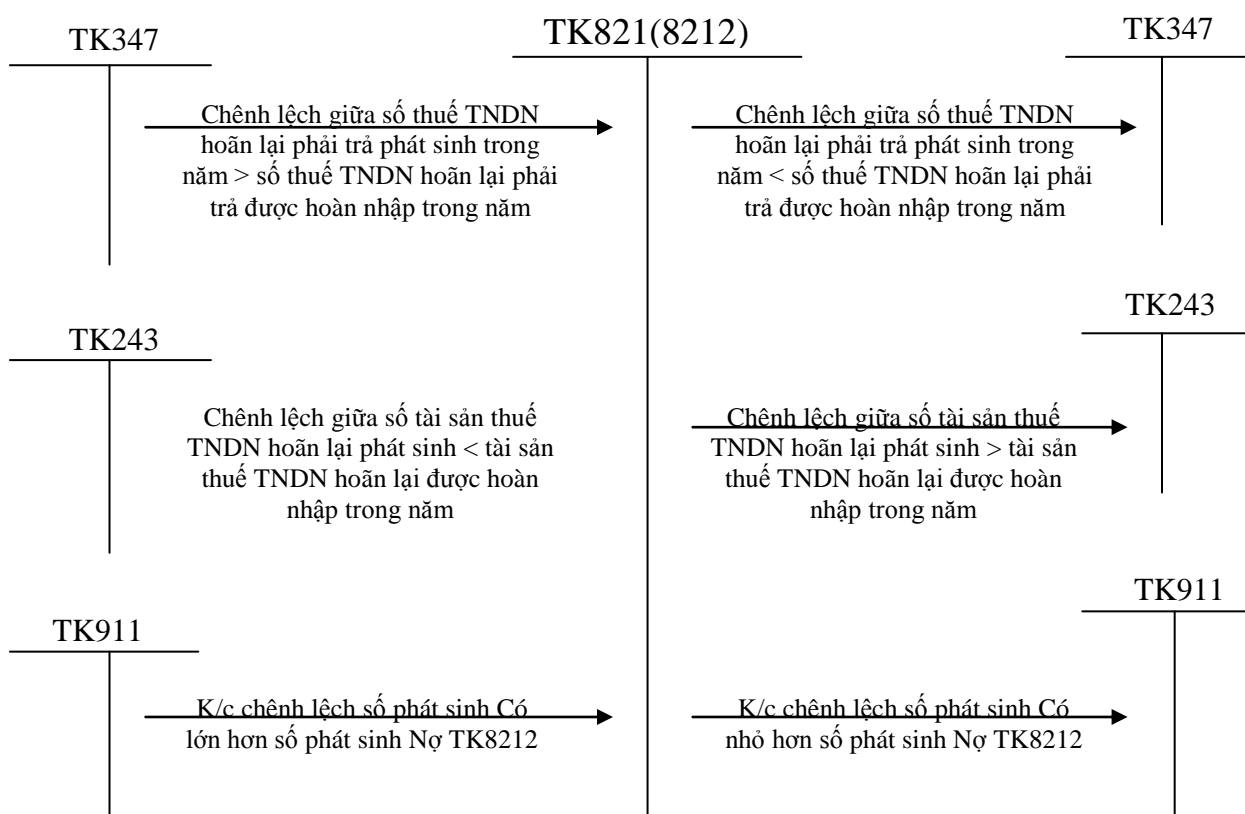
✓ TK8212-“Chi phí thuế TNDN hoãn lại”

c) Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.3.16.a: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.3.16.b: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



1.3.7.2. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lãi (lỗ)} & & & \text{Giá} & & & \text{CPBH,} \\ \text{từ HĐ} & = & \text{DTT về bán} & \text{vốn} & \text{Doanh} & \text{Chi} & \text{CPQLDN tính} \\ \text{sxkd} & & \text{hàng và cung} & \text{hàng} & \text{thu} & \text{phí} & \text{cho hàng tiêu} \\ & & \text{cấp dịch vụ} & \text{bán} & \text{HĐTC} & \text{HĐTC} & \text{thụ trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó: $DTT = \text{tổng doanh thu bán hàng} - \text{các khoản giảm trừ}$.

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi các khoản thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác.

$$\text{Lãi (lỗ) hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{chi phí khác}$$

Kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể lãi hoặc lỗ. Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

a) Chứng từ sử dụng.

Phiếu kế toán

b) Tài khoản sử dụng.

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh – TK này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối – TK này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phương pháp xử lý kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

c) *Kết cấu và nội dung phản ánh:*

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi

Bên Có:

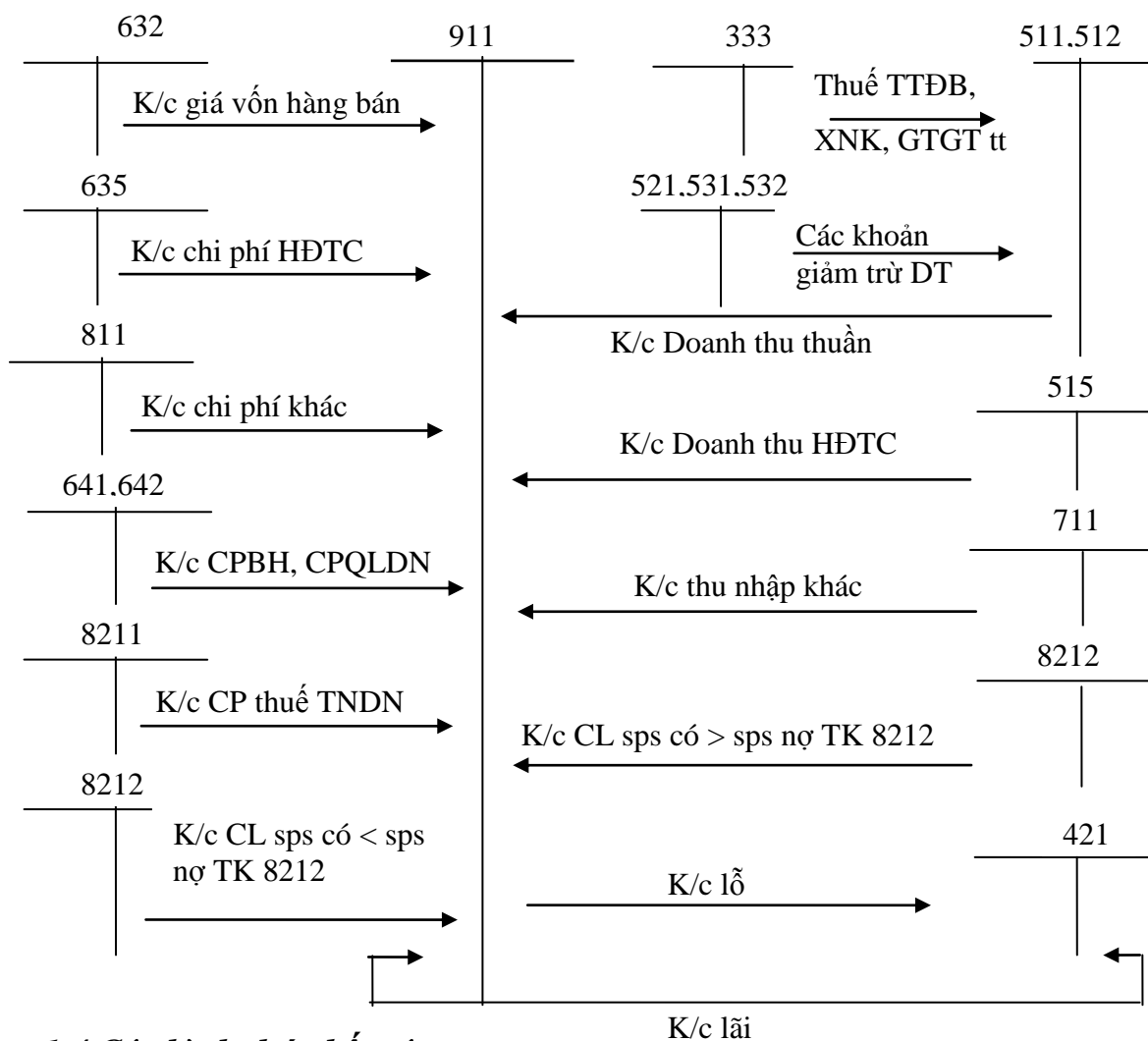
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kì.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ

Tài Khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Chi phí bán hàng. - Chi phí quản lý doanh nghiệp. - Chi phí tài chính. - Chi phí khác. - Chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính. - Thu nhập khác. - Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lỗ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

Sơ đồ 1.3.17: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.



1.4. Các hình thức kế toán.

1.4.1. Chứng từ sử dụng.

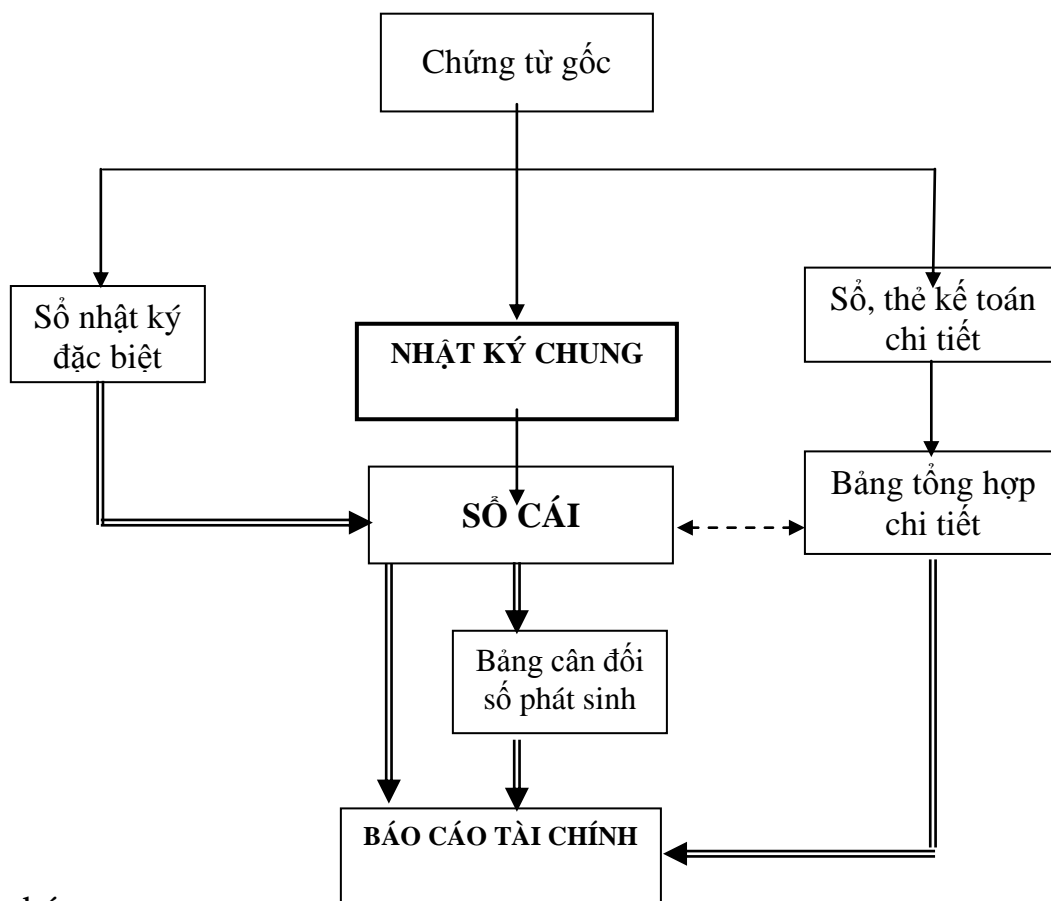
Chứng từ kế toán được sử dụng để kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng bao gồm:

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Bảng thanh toán hàng đại lí, kí gửi
- Thẻ quầy hàng
- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có NH, ...)
- Tờ khai thuế GTGT
- Chứng từ kế toán liên quan khác như phiếu nhập kho hàng trả lại...

1.4.2. Hình thức nhật ký chung

- Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản:
 - Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung.
 - Ghi và định khoản theo thời gian phát sinh nghiệp vụ.
 - Lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.
- Các loại sổ kế toán chủ yếu:
 - Sổ Nhật ký chung.
 - Sổ cái.
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 1.4.1 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ (cuối tháng, quý)
- ←- - -> Đối chiếu, kiểm tra

1.4.3. Hình thức Nhật ký - Sổ cái

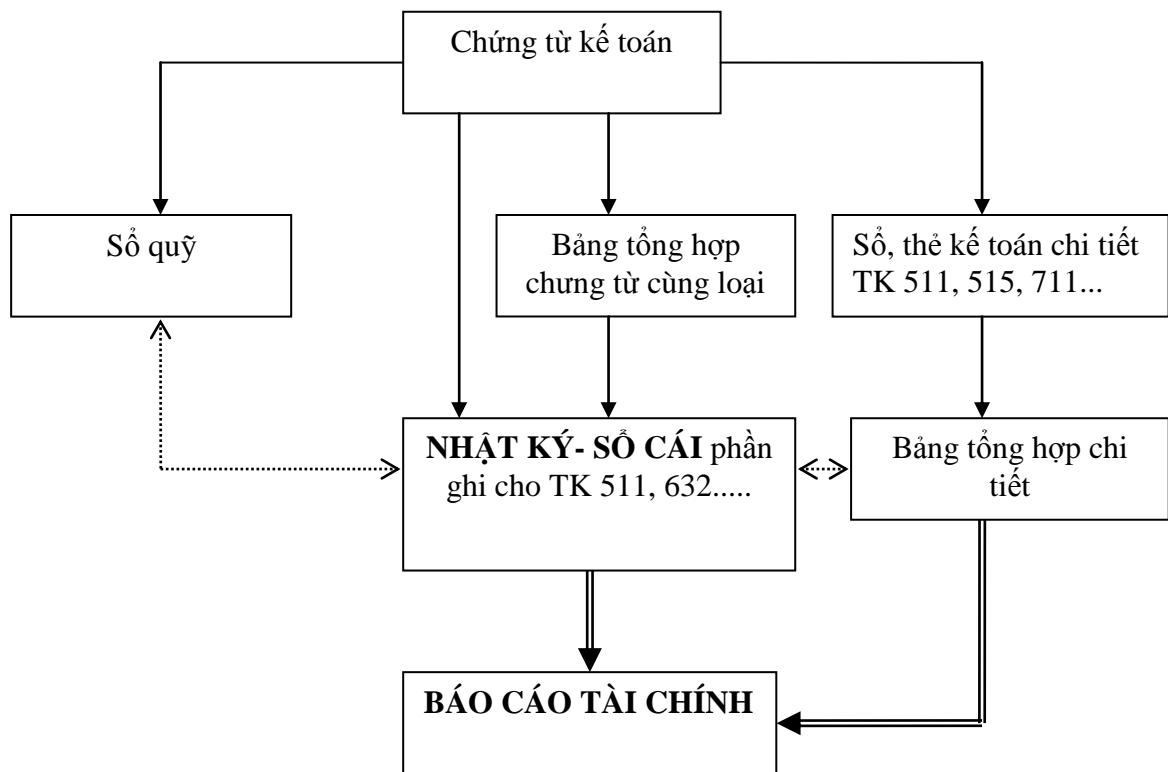
- Đặc trưng cơ bản:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Hình thức Nhật ký – Sổ Cái gồm các sổ:

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.4.2 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==→ Ghi định kỳ (cuối tháng, quý)
- ←---→ Đối chiếu, kiểm tra

1.4.4. Hình thức Nhật ký chứng từ

- Đặc trưng cơ bản

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

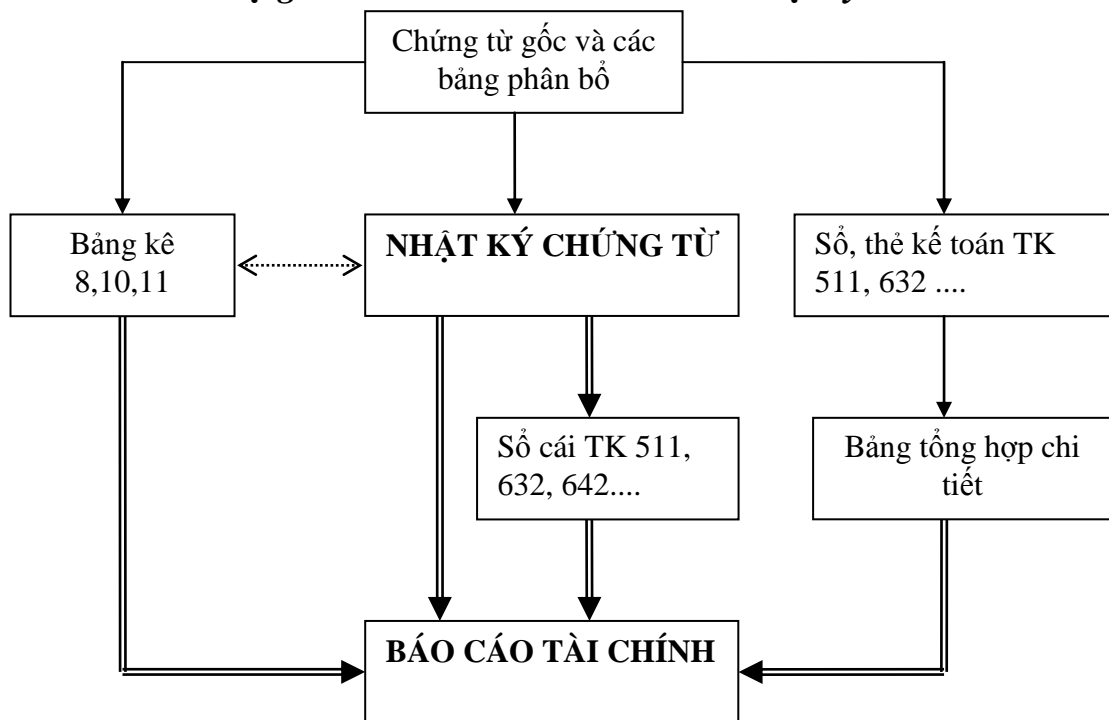
Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ ghi sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản , chỉ tiêu quản lý kinh tế , tài chính và lập báo cáo tài chính.

- Hình thức kế toán gồm các sổ

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Các sổ thẻ chi tiết

Sơ đồ 1.4.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ (cuối tháng, quý)
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

1.4.5. Hình thức Chứng từ ghi sổ

- Đặc trưng cơ bản

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

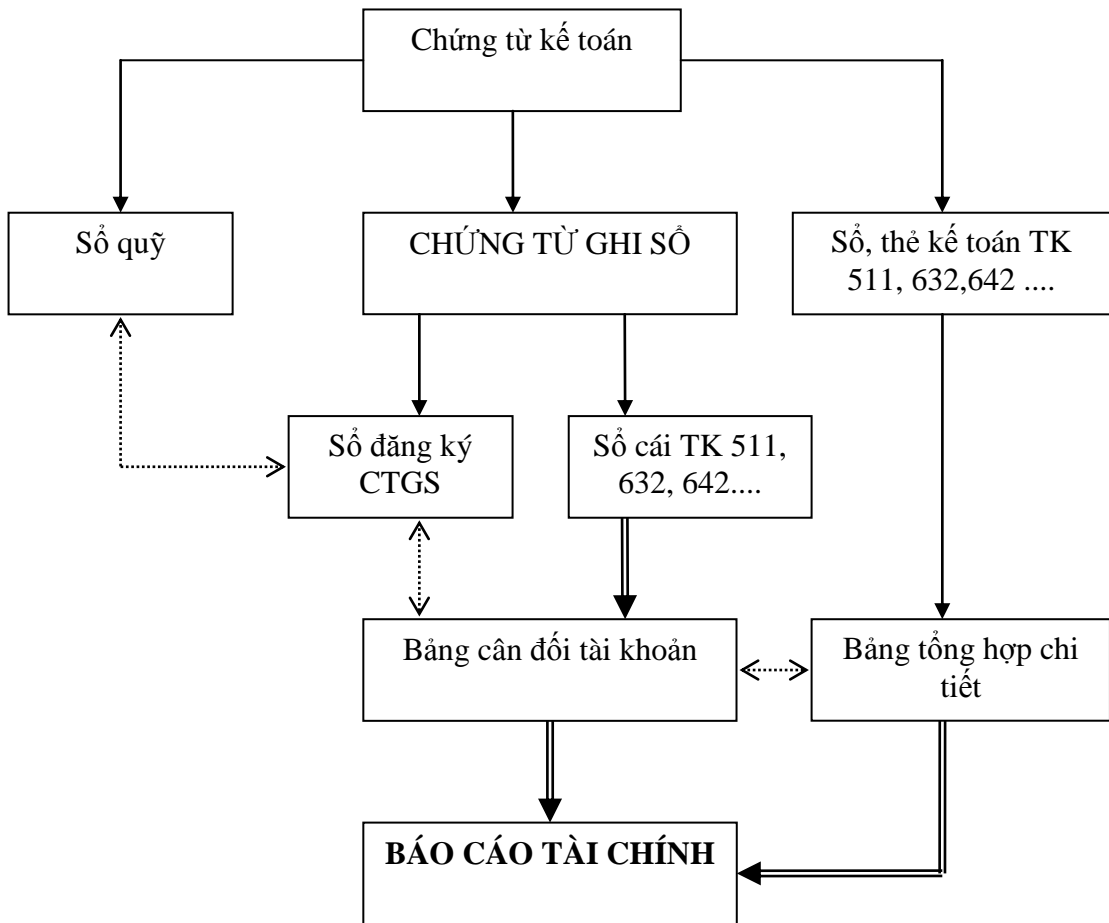
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng đính kèm trước khi ghi sổ kế toán.

- Hình thức kế toán gồm các sổ

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.4.5 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ (cuối tháng, quý)
- <- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

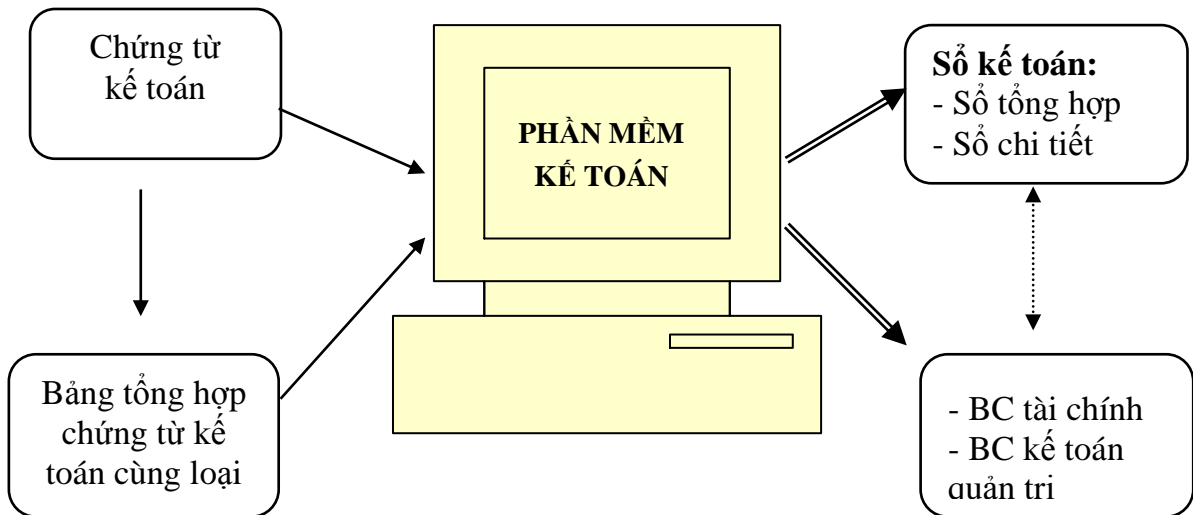
1.4.6. Hình thức kế toán trên máy vi tính

-Đặc trưng cơ bản

Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Kế toán sử dụng một trong bốn hình thức kế toán trên để xây dựng lên một phần mềm kế toán. Kế toán chỉ việc nhập chứng từ gốc, máy tính sẽ xử lý và in ra các sổ kế toán, các báo cáo kế toán, báo cáo quản

trị theo một chương trình đã được viết sẵn.

Sơ đồ 1.4.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm
- ====> Nhập số liệu hàng ngày
- > Đối chiếu kiểm tra

CHƯƠNG II : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

2.1. Tổng quan về công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.

Công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO được thành lập theo quyết định số 049593 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/06/1997.

Tên giao dịch tiếng việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT.

Tên tiếng anh: INDUSTRY CHEMICAL COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt: INCHEMCO.,LTD

Địa chỉ văn phòng: Số 14, Lô 26D khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP.

Điện thoại: 031.3761674 / 3760784

Fax: 031.3760784

Email: inchemco@hn.vnn.vn

Website: www.inchemco.com.vn

Khu xưởng sản xuất: Phường Anh Dũng - Quận Dương Kinh - TP Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200278475.

Số Tài khoản: 102.01.0000216913 tại NH Công thương CN Ngô Quyền - HP

Vốn điều lệ: 5.000.000.000

Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hoá chất tẩy rửa phục vụ cho vệ sinh dân dụng và vệ sinh công nghiệp mà trước đây hầu như phải nhập ngoại của một số nước trên thế giới.

Tiền thân của công ty là công ty công nghệ điện hoá ELECHEM, công ty này được thành lập theo quyết định số 331 VKH_QĐ ngày 08/6/1991 của viện trưởng viện hoa học Việt Nam (nay là Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia). Theo chỉ thị 500/TTG của thủ tướng chính phủ về việc khẩn trương sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia đã khẩn trương báo cáo tình hình hoạt động của tất cả các doanh

ngành và đưa phương án sắp xếp. Tất cả các doanh nghiệp thuộc trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia hầu hết được thành lập từ năm 1989-1990 trở lại đây, để triển khai các kết quả nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất và làm dịch vụ kỹ thuật. Các tổ chức này hoạt động theo nghị định 268/CT, không được nhà nước cấp vốn, tận dụng các thiết bị nghiên cứu, năng lực cán bộ, ứng dụng các kết quả của đề tài nghiên cứu vào sản xuất tạo ra sản phẩm cho xã hội.

Sự ra đời của công ty INCHEMCO những năm đầu là cả một quá trình thử thách với bao khó khăn và sự sát hạch gắt gao của sản xuất và cạnh tranh theo cơ chế thị trường. Nhưng với quyết tâm của ban lãnh đạo mà đặc biệt là đồng chí giám đốc công ty và sự đóng góp sức lực của toàn thể nhân viên công ty công nghiệp hoá chất INCHEMCO nên công ty ngày một hoàn thiện và phát triển vững mạnh.

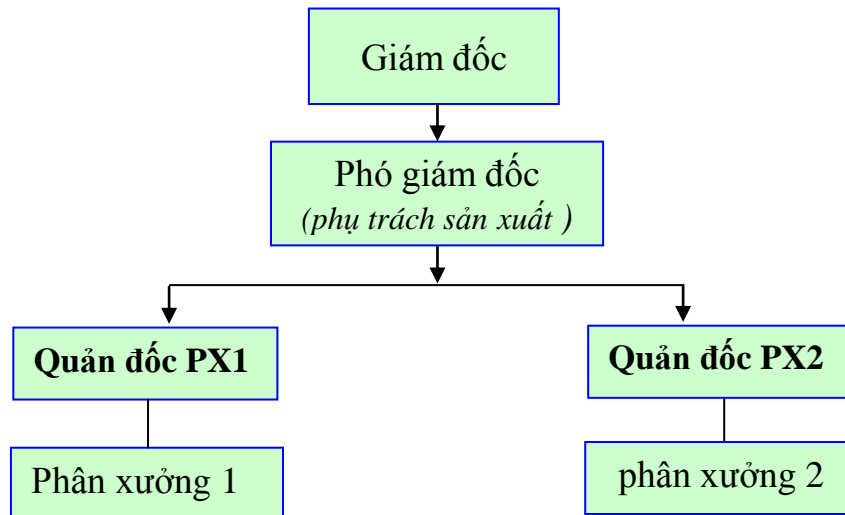
2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.

2.1.2.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

Công ty công nghiệp hoá chất INCHEMCO chuyên sản xuất và kinh doanh các loại hoá chất phục vụ cho vệ sinh dân dụng và công nghiệp, chuyển giao quy trình công nghệ và các sản phẩm hoá chất theo đơn đặt hàng của khách hàng trong lĩnh vực công nghiệp hoá chất, nghiên cứu tạo ra các công nghệ mới về hoá học. Tư vấn cho các thành phần kinh tế, các lĩnh vực trong và ngoài nước để tạo ra các công nghệ mới về hoá học.

Thị trường của công ty trên toàn lãnh thổ Việt Nam và xuất khẩu tại chỗ cho các công ty, tập đoàn sản xuất có nhà máy tại Việt Nam, tập trung chủ yếu vẫn là thị trường Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hà Nội, Thành Phố Hồ Chí Minh... Công ty còn cung cấp các sản phẩm của mình cho các nhà máy công nghiệp các công ty đóng tàu, công ty hàng hải, hoá chất...

*** Sơ đồ tổ chức phân hệ sản xuất của công ty INCHEMCO.**



(Sơ đồ 2.1.1: Sơ đồ Phân hệ sản xuất của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO)

*** Nhiệm vụ từng Phân xưởng sản xuất:**

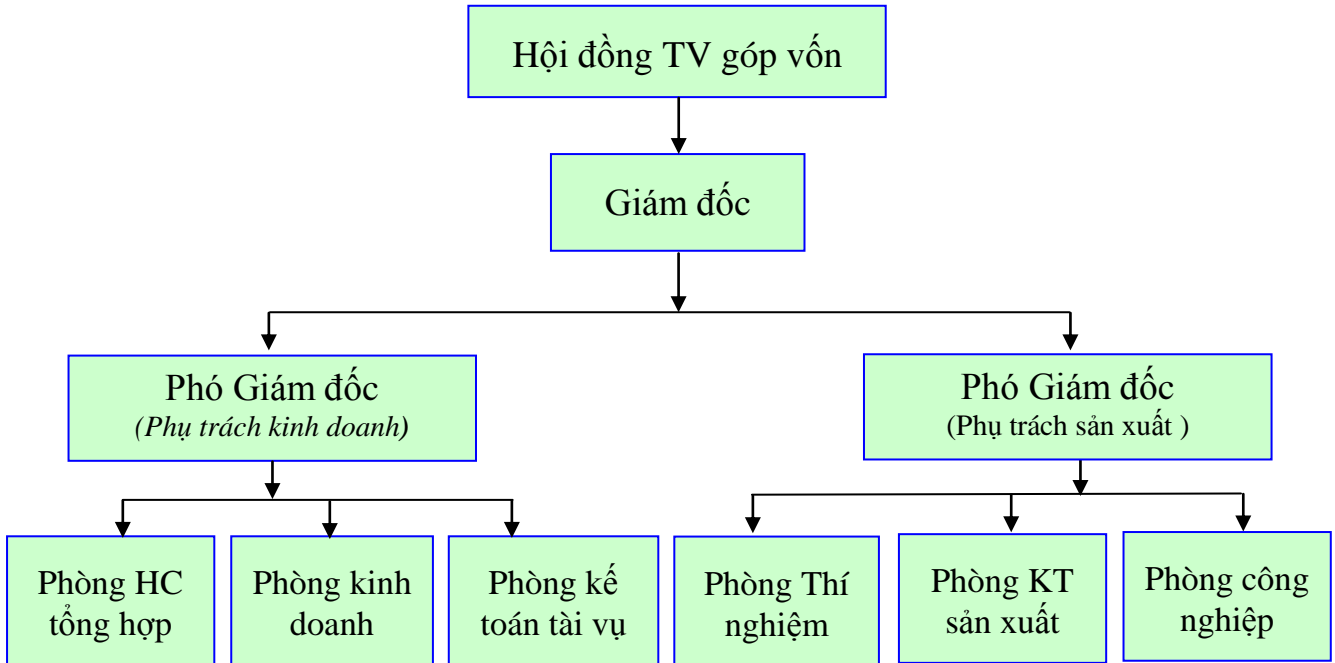
+ Phân xưởng 1: thực hiện sản xuất các loại sản phẩm để bán ngoài thị trường và sản xuất theo đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh, báo cáo kết quả sản xuất hàng ngày, theo dõi vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất...

+ Phân xưởng 2: thực hiện các nhiệm vụ tương tự như Phân xưởng 1.

- Môi quan hệ giữa các bộ phận ở hai phân xưởng trong doanh nghiệp có quan hệ hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất. Hai phân xưởng được giao nhiệm vụ sản xuất dựa trên khối lượng công việc làm được và công nhân có thể đảm nhiệm được tương ứng.

2.1.2.2. Mô hình tổ chức quản lý của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.

*** Sơ đồ tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh của công ty INCHEMCO (sơ đồ 2.1.2)**



Để đảm bảo khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh thì cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty công nghiệp hoá chất INCHEMCO là bộ máy quản lý trực tiếp với sự lãnh đạo từ trên xuống, từ hội đồng thành viên góp vốn, xuống là giám đốc và giúp việc cho giám đốc là các phó giám đốc, kế toán trưởng và các phòng ban để thực hiện việc quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh và sau cùng là các phân xưởng sản xuất.

Bộ máy quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh dịch vụ gọn nhẹ, đảm bảo chất lượng và trình độ kỹ thuật nghiệp vụ lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh là chính, ngoài ra kết hợp với việc kinh doanh các sản phẩm hoá chất và làm dịch vụ kỹ thuật nhằm tạo vốn củng cố quá trình sản xuất và làm nghĩa vụ với nhà nước. Như vậy cơ cấu tổ chức bộ máy chức năng của từng phòng ban như sau:

*** Chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban:**

1. Hội đồng thành viên góp vốn: Là ban lãnh đạo cao nhất của công ty luôn xem xét các biện pháp lãnh đạo, hoạch định và đưa ra phương hướng về

mặt chiến lược sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Giám đốc: Là người quản trị cấp cao của doanh nghiệp, trực tiếp quản lý các thành viên và giám đốc công ty có nhiệm vụ đưa ra những chiến lược cụ thể cho định hướng phát triển.

3. Phó giám đốc: Là người giúp việc cho giám đốc trong một số lĩnh vực quản lý, chẳng hạn giúp cho giám đốc trong việc kiểm tra đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ và đi sát chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh.

4. Phòng hành chính tổng hợp: Có nhiệm vụ hành chính văn phòng, an toàn lao động, chăm lo đời sống cho công nhân viên tạo môi trường làm việc thuận lợi để toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty làm việc học tập, tham gia phát huy tối đa khả năng sáng tạo.

5. Phòng kinh doanh: Đảm bảo công tác thị trường một khâu quan trọng sống còn của công ty, tìm hiểu nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu khách hàng, xem xét ý kiến khách hàng về sản phẩm của công ty. Thông qua đó công ty định hướng lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh nhằm đưa ra thị trường những sản phẩm đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng .

6. Phòng kế toán tài vụ: Có nhiệm vụ theo dõi, báo cáo các hoạt động về tài chính, bán hàng của công ty cập nhật trong ngày, tuần, tháng, năm.

7. Phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm phụ trách về kiểm tra về chất lượng sản phẩm cũng như triển khai nghiên cứu các sản phẩm mới khẳng định vị thế của công ty.

8. Phòng kỹ thuật sản xuất: Đây là bộ phận quản lý chất lượng được thành lập dưới sự điều hành của phó giám đốc sản xuất, để có đủ điều kiện xây dựng triển khai kế hoạch.

9. Phòng công nghệ: Có nhiệm vụ nghiên cứu phát triển ứng dụng khoa học công nghệ ứng dụng vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

2.1.2.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.

Thuận lợi:

- Nước ta đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO, đây là một cơ hội rất lớn để công ty có thể nâng cao sức cạnh tranh, uy tín, và thương hiệu của mình trên thị trường.
- Trong những năm hoạt động công ty đã tạo được uy tín về chất lượng sản phẩm của mình trên thị trường, khẳng định được thương hiệu của mình ở thị trường trong và ngoài nước.
- Công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO đã được thành lập từ khá lâu, đã trải qua nhiều thử thách theo cung bậc thăng trầm của nền kinh tế nên đã có bề dày kinh nghiệm hoạt động ổn định trong sự biến động không ngừng của thị trường.
- Bên cạnh đó, cán bộ lãnh đạo công ty là những người có chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, thường xuyên quan tâm các nhân viên trong công ty, vì vậy tuy mới thành lập nhưng công ty luôn làm ăn có lãi và đạt được những mục tiêu đề ra.

Khó khăn:

- Tình hình phát triển không ổn định của nền kinh tế có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của công ty.
- Phân xưởng sản xuất của công ty nằm cách xa trụ sở chính nên khó khăn hơn cho việc quản lý.
- Ngoài ra còn sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt cũng là một trở ngại lớn đối với công ty.

2.1.3. Một số kết quả đạt được và định hướng phát triển của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.

***Về sự biến động của doanh thu và lợi nhuận:**

Theo báo cáo tổng kết cuối năm 2010 về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong một số năm gần đây cho thấy. Trải qua hơn 19 năm đi vào hoạt động và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cũng như được

Khóa luận tốt nghiệp

cọ xát với thị trường. Công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO là một bằng chứng sống động của việc đưa khoa học nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất nhằm phát huy những nội lực sẵn có của đội ngũ khoa học Việt Nam, luôn phát huy tiềm năng vốn có, không ngừng nghiên cứu sáng tạo ứng dụng thành công tạo những sản phẩm có hiệu quả và hàm lượng khoa học công nghệ cao, tiết kiệm kinh phí cho đất nước và tạo công ăn việc làm, giải quyết nạn thất nghiệp. Ngay cả khi nền kinh tế gặp nhiều khó khăn công ty vẫn làm ăn có hiệu quả.

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009	Năm 2008
Tổng thu nhập	1.813.0778.810	17.178.040.788	17.624.975.453
Tổng chi phí	17.629.263.813	16.900.731.584	16.749.426.581
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	501.514.997	257.335.204	329.669.872
Thu nhập bình quân	4.000.000	3.600.000	3.500.000

(Bảng kết quả hoạt động SXKD của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO)

Qua bảng số liệu ta thấy tổng thu nhập của công ty trong 3 năm gần đây có sự tăng lên rõ rệt, làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cũng tăng theo. Đặc biệt là năm 2010 tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 244.080.793 đồng tương ứng với tăng 94.85% so với năm 2009. Đây thật sự là thành tích nhảy vọt đáng biểu dương của toàn công ty. Trong năm tới cần giữ và phát huy hơn nữa thành tích này.

Kết quả về hoạt động sản xuất kinh doanh và sự lớn lên mỗi ngày của công ty INCHEMCO chứng minh được điều này, bằng việc sản phẩm của INCHEMCO đã có mặt trên thị trường và thoả mãn được nhu cầu khách hàng.

Hiện nay công ty đã có gần 50 mặt hàng thuộc về sản phẩm hoá chất công ty sản xuất, một số khác là nhập khẩu phục vụ công nghiệp và dân dụng, được sử

dụng có hiệu quả ở nhiều nơi và có hệ thống phân phối sản phẩm rộng khắp trên mọi miền của đất nước và cả xuất khẩu.

Với quy mô nhỏ công ty có bộ máy điều hành sản xuất kinh doanh linh hoạt nắm bắt nhu cầu thị trường và có những giải pháp phù hợp, kịp thời điều đó giúp INCHEMCO phát triển năm sau hơn năm trước và đưa doanh nghiệp ngày càng đi lên.

*** Về lao động:** Từ khi thành lập công ty chỉ có 15 thành viên sau khi đi vào sản xuất và kinh doanh công ty đã đào tạo và tuyển dụng đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Tính đến cuối năm 2010 số lao động của công ty là 51 người trong đó: 15 thành viên làm việc gián tiếp, 36 thành viên làm việc trực tiếp. Trình độ đại học chiếm gần 40%, còn lại là trình độ trung cấp và lao động phổ thông.

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2009 là 3.600.000 đồng/tháng và đến cuối năm 2010 thu nhập bình quân đạt được là 4.000.000 đồng/tháng.

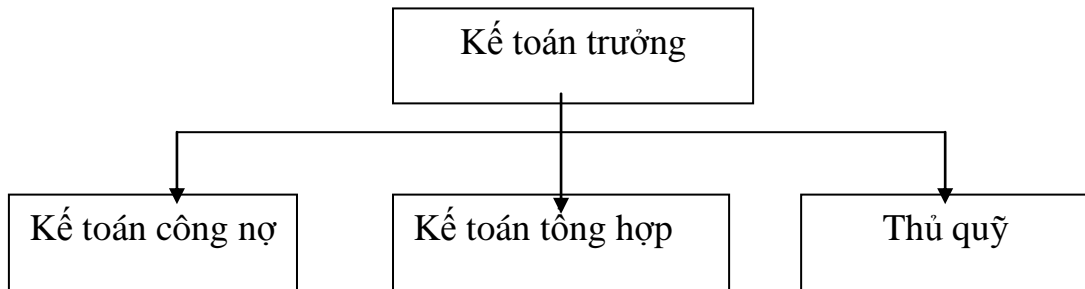
Vậy với mức thu nhập như hiện nay đời sống cán bộ công nhân viên công ty ổn định và là điều khích lệ giúp cho người lao động trong công ty yên tâm làm việc.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.

Bộ máy kế toán của công ty áp dụng theo mô hình tập trung. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập trung ở phòng kế toán. Tại đây thực hiện việc tổ chức hướng dẫn và kiểm tra thực hiện toàn bộ phương pháp thu thập xử lý thông tin ban đầu, thực hiện đầy đủ việc ghi chép ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của Bộ tài chính, cung cấp một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, những thông tin về tình hình tài chính của công ty. Từ đó tham mưu cho Giám đốc đề ra những biện pháp các quy định phù hợp với đường lối phát triển công ty.

2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.

Mô hình bộ máy kế toán của công ty:



(sơ đồ 2.1.3: sơ đồ bộ máy kế toán của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO)

Trong đó:

Kế toán trưởng: Phụ trách công tác kế toán chung trong công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành: Theo dõi ngân sách, nhà cung cấp, các khoản phải thu, theo dõi TSCĐ, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

Kế toán công nợ: Chuyên theo dõi các phần chứng từ liên quan đến các khoản phải thu, phải trả.

Kế toán tổng hợp: Có trách nhiệm phụ trách bso quát tất cả các số liệu tiền lương, TSCĐ, NVL, giá thành, tiền mặt, TGNH. Tính toán và hạch toán tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, các khoản khấu trừ lương, các khoản thu nhập, trợ cấp cho cán bộ, nhân viên trong công ty, hàng tháng ghi nhận các bảng thanh toán lương cho cán bộ nhân viên công ty.

Thủ quỹ: Có trách nhiệm thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu và các chứng từ chi, giấy tạm ứng... lập báo cáo cáo tồn quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán hình thức được công ty áp dụng là hình thức **Nhật ký chung** và áp dụng theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC.

Hệ thống tài khoản hiện nay công ty đang sử dụng là hệ thống tài khoản do bộ tài chính ban hành.

Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12/N

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: theo đường thẳng.

Chu trình kế toán của tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:

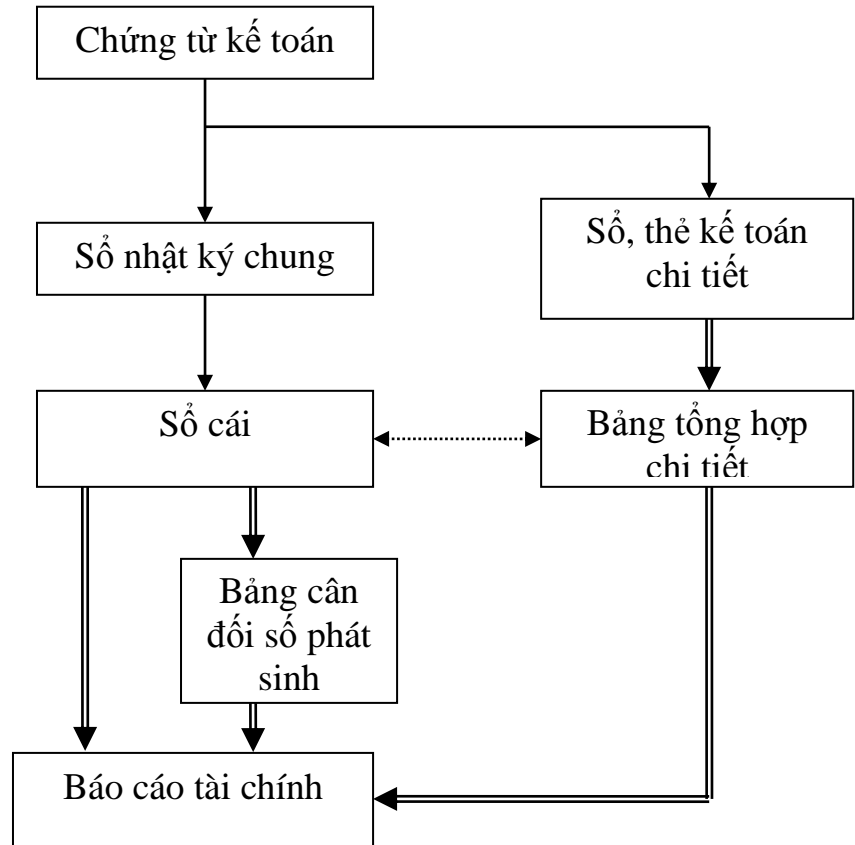
- *Kiểm trang chứng từ*: xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.

- *Hoàn chỉnh chứng từ*: Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất ...tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.

- *Luân chuyển chứng từ*: Tuỳ theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và ghi sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.

- *Lưu trữ chứng từ*: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán "Nhật ký chung" là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự theo thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC, sau đó từ sổ NKC vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán



(Sơ đồ 2.1.4: Sơ đồ quy trình luân chuyển chứng từ tại công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO)

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, Kiểm tra \longleftrightarrow

Với hình thức kế toán Nhật ký chung công ty sử dụng các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- Sổ cái

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng

cân đối số phát sinh, sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng Tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng

a) *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Bảng kê bán lẻ hoá chất.
- Chứng từ khác có liên quan (nếu có).

b) *Tài khoản sử dụng:*

Để thuận tiện cho công tác hạch toán và yêu cầu quản lý, kế toán đã ghi chép các loại doanh thu trên các tài khoản chi tiết sau:

TK 5111 – Doanh thu bán thành phẩm.

TK 5112 – Doanh thu bán hàng hoá.

TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Đồng thời với việc phản ánh doanh thu, kế toán còn phải theo dõi tình hình thanh toán với khách hàng nên công ty còn phải sử dụng một số tài khoản liên quan như: TK 112 – Tiền gửi ngân hàng, TK 131 – Phải thu của khách hàng.

Trong kỳ kế toán không sử dụng tài khoản :

TK 521 – Triết khấu thương mại

TK 532 – Giảm giá hàng bán.

TK531 – Hàng bán bị trả lại vì trong kỳ, hàng hoá của công ty luôn đảm bảo chất lượng và không vi phạm hợp đồng kinh tế nên không phát sinh trường hợp hàng bán bị trả lại.

c) *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ chi tiết bán hàng

- Sổ chi tiết các tài khoản (511,131,3331...)

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản (511,131,3331...)
- Các sổ sách có liên quan (nếu có)

d) *Trình tự hạch toán:*

Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại công ty như sau:

1. Đối với hoạt động bán sản phẩm hàng hóa, trước hết căn cứ vào hợp đồng mua bán (nếu có) hoặc căn cứ vào thỏa thuận mua bán của khách hàng, cán bộ quản lý kho viết **Phiếu xuất kho** rồi gửi lên phòng kế toán để làm căn cứ viết **Hóa đơn GTGT**.

2. Đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ, kế toán căn cứ vào các hợp đồng về cung ứng dịch vụ để làm quyết toán và viết hóa đơn GTGT cho khách hàng khi kết thúc hợp đồng.

Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: (Màu tím) Liên gốc lưu lại quyền hóa đơn.

Liên 2: (Màu đỏ) Giao cho khách hàng làm chứng từ đi đường và ghi sổ kế toán tại đơn vị khách hàng.

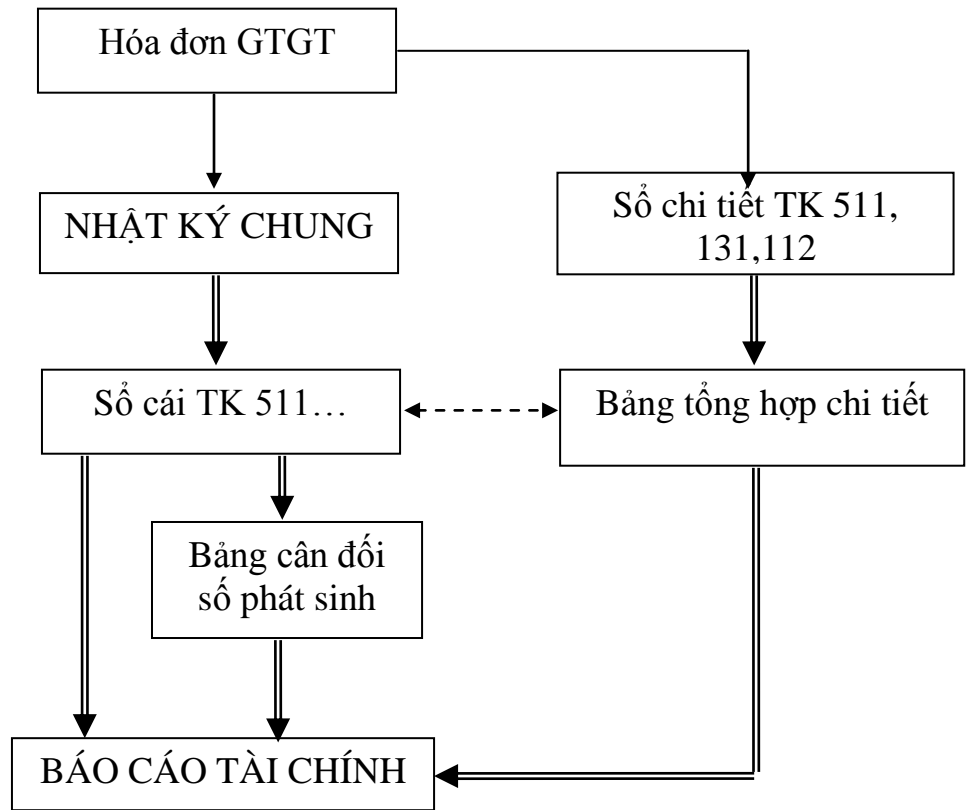
Liên 3: (Màu xanh) Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán

Trên hóa đơn phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ; số hóa đơn
- Tên đơn vị bán hàng (cung cấp dịch vụ); địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, hình thức thanh toán.

- Tên hàng hóa (dịch vụ cung cấp), số lượng, đơn giá, thành tiền, chiết khấu (nếu có), thuế GTGT, tổng tiền thanh toán.

Kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất để viết phiếu thu và phản ánh vào sổ kế toán.



(Sơ đồ 2.2.1: Quy trình hạch toán doanh thu của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO)

Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
=====> Ghi định kỳ (cuối kỳ, cuối tháng)
<-----> Quan hệ đối chiếu

Ví dụ 1: Căn cứ vào hoá đơn 17521 ngày 01/12/2010 công ty xuất bán cho công ty FCC Việt Nam:

- Washing thinner : 1000 lít Đơn giá :54.700đồng/lít
- Thinner :100 lít Đơn giá : 57.000 đồng/lít

Công ty FCC Việt Nam đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT, Giấy báo có, kế toán vào sổ sách:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 511.
- Sổ chi tiết TK 511.
- Sổ tổng hợp TK 511.

- Sổ cái TK112

- Sổ chi tiết TK 112

Ví dụ 2: Căn cứ vào hoá đơn 17522 ngày 01/12/2010 công ty xuất 100 lít Nip bán hàng cho công ty TNHH thương mại dịch vụ KHKN Đa bảo, đơn giá 17.820.000. Công ty chưa thanh toán.

Ví dụ 3: Căn cứ vào hoá đơn 17523 01/12/2010 công ty cung cấp dịch vụ diệt mối cho công ty thương mại Minh Khai. số tiền là 10.332.000 (TGTGT 10%), chưa thu tiền.

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

5111 – Doanh thu bán thành phẩm

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
				
0017521	01/12/2010	Bán chất tẩy cho cty FCC VN, thanh toán bằng CK	1122		60.400.000
				
0017595	28/12/2010	Bán chất tẩy cho cty Mai Linh, chưa thanh toán	131		20.100.000
0017596	28/12/2010	Bán chất tẩy cho cty Phà Rừng, chưa thanh toán	131		38.750.000
0017597	28/12/2010	Bán hoá chất cho công ty Minh Thắng, chưa trả tiền	131		2.802.000
0017598	28/12/2010	Bán Chất tẩy cho công ty Phú Thái, chưa thanh toán	131		2.900.000
0017560	29/12/2010	Bán chất tẩy lạnh cho công ty Thái Hưng, chưa thanh toán	131		2.750.000
0017602	29/12/2010	Bán chất tẩy cho công ty Phú Lâm, chưa thanh toán	131		22.560.000
				
0017629	31/12/2010	Bán chất tẩy cho công ty An Phát, chưa thanh toán	131		6.500.000
0017630	31/12/2010	Bán chất tẩy dầu mỡ cho công ty Phà rừng chưa thanh toán	131		2.160.000
	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu	9111	7.163.253.562	
Cộng phát sinh				7.163.253.562	7.163.253.562
Dư cuối kỳ				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT -3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		PQ/2010B			
Liên 3: Nội bộ		0017522			
<i>Ngày 01 tháng 12 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.....					
Địa chỉ: Số 114 Đà Nẵng- Lê Chân – Hải Phòng.....					
Số tài khoản: 0031000622555(Vietcombank- HP).....					
Điện thoại:MS: 0200278475.....					
Họ tên người mua hàng: Anh Nguyễn Đức Trường.....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại dịch vụ KHKN Đa bảo					
Địa chỉ: 128 Trương Công Định, P.14, Q, Tân Bình, Tp.HCM					
Số tài khoản: 08000021102023.....					
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán.....MS:0200545145					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Nip	lít	100	17.820	17.820.000
/					
Cộng tiền hàng:					17.820.000
Thuế suất thuế GTGT 10%:					1.782.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.602.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
Phạm Tuấn Trường		Phạm Thị Hoa		Phạm Văn Tài	

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

5112 – Doanh thu bán hàng hoá

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
				
0017522	01/12/2010	Bán hàng cho công ty Đa Bảo, chưa thanh toán	131		17.820.000
				
0017599	28/12/2010	Bán Nipp Đa Bảo, chưa thanh toán	131		17.820.000
0017601	29/12/2010	Bán Băng keo hầm hàng cho công ty cơ khí chế tạo HP	131		7.000.000
0017604	29/12/2010	Bán Phostoxin cho công ty vận tải xăng dầu, chưa thanh toán	131		18.130.000
0017606	30/12/2010	Bán mex cho công ty FCC Việt Nam, chưa thanh toán	131		18.600.000
0017608	30/12/2010	Bán MC cho công ty TNHH Toyo Denso, chưa thanh toán	131		12.000.000
0017609	30/12/2010	Bán IPA cho công ty CP cơ khí chế tạo HP, chưa thanh toán	131		18.090.000
0017610	30/12/2010	Bán Keo Devcon cho công ty CP vận tải xăng dầu, chưa thanh toán	131		500.000
				
		Kết chuyển doanh thu	9111	9.525.067.209	
Cộng phát sinh				9.525.067.209	9.525.067.209
Dư cuối kỳ				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

HOÁ ĐƠN		Mẫu số:01GTKT -3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		PQ/2010B			
Liên 3: Nội bộ		0017523			
<i>Ngày 01 tháng 12 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.....					
Địa chỉ: Số 114 Đà Nẵng– Lê Chân – Hải Phòng.....					
Số tài khoản: 0031000622555(Vietcombank- HP).....					
Điện thoại:MS: 0200278475.....					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại Minh Khai.....					
Địa chỉ: Số 32, Minh Khai, Hải Phòng.....					
Số tài khoản: 08000021102023.....					
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán.....MS:0200288324					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Dịch vụ diệt mối				10.332.000
/					
Cộng tiền hàng:					10.332.000
Thuế suất thuế GTGT 10%:					1.033.200
Tổng cộng tiền thanh toán:					11.365.200
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
Nguyễn Thị An		Phạm Thị Hoa		Phạm Văn Tài	

Khóa luận tốt nghiệp

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
				
002056	28/01/2010	Dịch vụ Diệt mối cho công ty Phà Rừng, chưa thanh toán	131		1.669.500
002061	29/01/2010	Dịch vụ diệt mối công ty TNHH Hoàng Sơn, chưa thanh toán	131		10.330.000
004504	16/03/2010	Dịch vụ tẩy nôi hơi cho công ty CP vận tải biển Việt Nam), chưa thanh toán	131		39.000.000
005011	29/04/2010	Dịch vụ bọc lót composite, chưa thanh toán	131		16.900.000
005120	07/05/2010	Dịch vụ tẩy cầu cạn cho công ty chế biến, chưa thanh toán	131		12.000.000
006212	08/06/2010	Dịch vụ tẩy rửa thiết bị cho cơ sở y tế	131		163.200.000
				
0017523	01/12/2010	Dịch vụ diệt mối cho công ty thương mại Minh Khai, chưa thanh toán	131		10.332.000
				
		Kết chuyển doanh thu	9111	1.365.877.040	
Cộng phát sinh				1.365.877.040	1.365.877.040
Dư cuối kỳ				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 511

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	Tên chi tiết	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Doanh thu bán thành phẩm			7.163.253.562	7.163.253.562		
2	Doanh thu bán hàng hoá			9.525.067.209	9.525.067.209		
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ			1.365.877.040	1.365.877.040		
Tổng cộng				18.054.197.811	18.054.197.811		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích tổng hợp chi tiết TK 511 Năm 2010 – Phòng KTTC Công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO)

Khóa luận tốt nghiệp

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang		94.563.553.238	94.563.553.238
				
17521	01/12/2010	Bán thành phẩm cho công ty FCC, trả bằng chuyển khoản			
		Tiền Việt Nam-NH CT	1122	66.440.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		60.400.000
		VAT tương ứng	3331		6.040.000
		Giá vốn hàng bán	6322	55.900.000	
		Thành phẩm	155		55.900.000
17522	01/12/2010	Bán hàng hoá cho công ty Đa Bảo. Chưa thanh toán			
		Phải thu khách hàng	131	19.602.000	
		Doanh thu bán hàng	5112		17.820.000
		VAT tương ứng	3331		1.782.000
		Giá vốn hàng bán	6321	16.000.000	
		Hàng hoá	156		16.000.000
17523	01/12/2010	Cung cấp dịch vụ diệt mối cho công ty Minh Khai, chưa thanh toán			
		Phải thu khách hàng	131	11.365.200	
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		10.332.000
		VAT tương ứng	3331		1.033.200
				
	31/12/2010	Kết chuyển DT 511--> 9111			
		Doanh thu bán hàng hoá	5112	9.525.067.209	
		Doanh thu bán thành phẩm	5111	7.163.253.562	
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	1.365.877.040	
		Kết quả hoạt động SXKD	9111		18.054.197.811
	31/12/2010	Kết chuyển CF QLKD			
		Kết quả hoạt động SXKD	9111	4.361.131.520	
		Chi phí bán hàng	6421		301.582.249
		Chi phí quản lý	6422		4.059.549.271
				
Tổng cộng				140.220.238.588	140.220.238.588

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

SỔ CÁI

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
				
002056	28/01/2010	Dịch vụ Diệt môi cho công ty Phà Rừng, chưa thanh toán	131		1.669.500
				
0017521	01/12/2010	Bán chất tẩy cho cty FCC VN, thanh toán bằng CK	1122		60.400.000
0017522	01/12/2010	Bán hàng cho công ty Đa Bảo, chưa thanh toán	131		17.820.000
0017523	01/12/2010	Dịch vụ diệt môi cho công ty thương mại Minh Khai, chưa thanh toán	131		10.332.000
				
0017595	28/12/2010	Bán chất tẩy cho cty Mai Linh, chưa thanh toán	131		20.100.000
0017596	28/12/2010	Bán chất tẩy cho cty Phà Rừng, chưa thanh toán	131		38.750.000
0017597	28/12/2010	Bán hoá chất cho công ty Minh Thắng, chưa trả tiền	131		2.802.000
	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu bán thành phẩm	9111	7.163.253.562	
	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu bán hàng	9111	9.525.067.209	
	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	9111	1.365.877.040	
Cộng phát sinh				18.054.197.811	18.054.197.811
Dư cuối kỳ				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

SỔ CÁI

TK 131 – Phải thu khách hàng

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		3.954.615.801	
		Số phát sinh			
				
0017522	01/12/2010	Bán hàng cho công ty Đa Bảo, chưa thanh toán	5112	17.820.000	
		Thuế GTGT phải nộp	3331	1.782.000	
0017523	01/12/2010	Dịch vụ diệt mối cho công ty thương mại Minh Khai, chưa thanh toán	5113	10.332.000	
		Thuế GTGT phải nộp	3331	1.033.200	
				
0017595	28/12/2010	Bán chất tẩy cho cty Mai Linh, chưa thanh toán	5111	20.100.000	
		Thuế GTGT phải nộp	3331	2.010.000	
0017596	28/12/2010	Bán chất tẩy cho cty Phà Rừng, chưa thanh toán	5111	38.750.000	
		Thuế GTGT phải nộp	3331	3.875.000	
				
	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu bán thành phẩm	9111	7.163.253.562	
	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu bán hàng	9111	9.525.067.209	
	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	9111	1.365.877.040	
Cộng phát sinh				19.562.760.731	18.888.988.633
Dư cuối kỳ				4.628.387.899	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán doanh thu tài chính.

Về hoạt động tài chính, công ty không có hoạt động đầu tư tài chính mà nội dung trên tài khoản chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay, và doanh thu tài chính cũng chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng. Con số này chiếm tỉ trọng không nhiều trong tổng doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

a) Tài khoản sử dụng:

- Tk 515: Doanh thu tài chính:

Tk 5154: Thu lãi tiền gửi

Tk 5158: Thu nhập về hoạt động đầu tư khác

b) Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Giấy báo có, giấy báo nợ

- Phiếu chi

- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

- Sổ Nhật ký chung.

- Sổ cái Tk 515

- Sổ chi tiết tk 515

Ví dụ 4:

Chứng từ NH số 151 ngày 31/12/2010, lãi nhập tài khoản tiền gửi NHSG Thương Tín Hải Phòng tháng 12/2010, Số tiền là 357.868 đồng.

Tương tự như phần hạch toán doanh thu bán hàng kế toán căn cứ vào chứng từ ngân hàng là các bảng sao kê tài khoản ngân hàng gửi về công ty, kế toán phản ánh thông tin kinh tế vào **Nhật ký chung** Sổ cái tk 515 và các sổ kế toán có liên quan .

MARITIME

Branch: Chi nhánh Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi : Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ:00970460008382

Số tiền bằng số: 357.868 VNĐ.

Số tiền bằng chữ: Ba trăm lăm mươi bảy nghìn tám trăm sáu tám mươi đồng.

Nội dung: ## Lãi tiền gửi ##

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang		94.563.553.238	94.563.553.238
				
17521	01/12/2010	Bán thành phẩm cho công ty FCC, trả bằng chuyển khoản			
		Tiền Việt Nam-NH CT	1122	66.440.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		60.400.000
		VAT tương ứng	3331		6.040.000
		Giá vốn hàng bán	6322	55.900.000	
		Thành phẩm	155		55.900.000
17522	01/12/2010	Bán hàng hoá cho công ty Đa Bảo. Chưa thanh toán			
		Phải thu khách hàng	131	19.602.000	
		Doanh thu bán hàng	5112		17.820.000
		VAT tương ứng	3331		1.782.000
		Giá vốn hàng bán	6321	16.000.000	
		Hàng hoá	156		16.000.000
151/CT	31/12/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng Công Thương tháng 12			
		Tiền Việt Nam- NH Hàng Hải	1121	357.868	
		Doanh thu hoạt động tài chính	515		357.868
				
		Tổng Cộng		140.220.238.588	140.220.238.588

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

SỔ CÁI

Năm 2010

Tài khoản: 515 -Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
				
015/01	13/01/2010	Thu tiền công trái giáo dục	1111		1.360.000
002/NT	25/01/2010	Lãi tiền gửi tháng 1	1124		205.580
012/CT	31/01/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng công thương	1122		137.011
013/HH	31/01/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng hàng hải tháng 1	1121		201.585
005/NT	25/02/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng ngoại thương tháng 2	1124		260.682
024/CT	25/02/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng công thương tháng 2	1122		565.970
				
040/NT	31/12/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng Ngoại Thương tháng 12	1124		399.748
151/CT	31/12/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng Hàng Hải tháng 12	1121		357.868
211/HH	31/12/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng Công Thương tháng 12	1122		665.450
	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	76.580.999	76.580.999
Cộng phát sinh				76.580.999	76.580.999
Dư cuối kỳ				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2010

Tài khoản: 5154 - Thu lãi tiền gửi

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tkđư	Phát sinh		Tồn	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ					
		Số phát sinh					
31/01/2010	012/CT	Lãi tiền gửi NH Công Thương T1	1122		137.011		137.011
31/12/2010	013/HH	Lãi tiền gửi NH Hàng Hải T1	1121		201.585		338.596
						
31/12/2010	151/CT	Lãi tiền gửi NH Hàng Hải T12	1121		357.868		16.795.681
31/12/2010	211/HH	Lãi tiền gửi NH Công Thương T12	121		665.450		17.153.549
31/12/2010	PKT	Kết chuyển doanh thu tài chính	9112	17.818.999			
				17.818.999	17.818.999		

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2010

Tài khoản: 5158 - Thu nhập về hoạt động đầu tư khác

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tkđr	Phát sinh		Tồn	
Ngày	Chứng từ			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ					
		Số phát sinh					
24/11/2010	037/11	Lãi cổ tức năm 2009	1111		58.762.000		58.762.000
31/12/2010	PKT	Kết chuyển thu nhập hoạt động tài chính	9112	58.762.000			
		Tổng số phát sinh		58.762.000	58.762.000		
		Dư cuối kỳ					

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

2.2.3.1. Nội dung giá vốn của công ty

Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO là công ty sản xuất và kinh doanh các mặt hàng hóa chất phục vụ cho công nghiệp nên có quy trình tập hợp chi phí để tính giá thành. Nội dung giá vốn của công ty như sau:

- Đối với doanh thu bán hàng hóa: Giá vốn là toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan để có được hàng hóa đó như: chi phí thu mua, chi phí vận chuyển....

- Đối với doanh thu bán thành phẩm: Giá vốn là các chi phí sản xuất ra sản phẩm ấy bao gồm: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khấu hao... Ở công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO thì giá vốn mang tính đặc thù vì đây là công ty sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng.

- Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ: chi phí giá vốn bao gồm khấu hao máy móc thiết bị, chi phí vật tư, thiết bị phục vụ cho các dịch vụ mà công ty cung cấp.

Để phù hợp với tình hình của công ty, công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước. Kế toán công ty dựa vào các hóa đơn kiêm phiếu xuất kho để từ đó phân loại chứng từ kế toán, xuất hàng hóa theo từng loại hàng, từng mặt hàng để tính giá thực tế của hàng xuất bán. Theo phương pháp này, Giá bán của hàng nhập kho sẽ được giữ từ lúc nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho của mặt hàng nào thì lấy giá của mặt hàng đó. Như vậy, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ chính là giá của các lô hàng nhập sau cùng.

2.3.1.2. Tài khoản, chứng từ, chứng từ kế toán sử dụng.

- Tk 632: Giá vốn hàng bán
- Chứng từ sử dụng: Bảng tính và phân bổ khấu hao, bảng lương....
- Sổ sách sử dụng: Nhật ký chung, Sổ chi tiết Tk (155,156,...), Sổ cái TK 632 và các tài khoản có liên quan, Bảng tổng hợp nhập xuất tồn.

Ví dụ: Lấy lại ví dụ 1 v à số 2

Ví dụ 1: Căn cứ vào hoá đơn 17521 ngày 01/12/2010 công ty xuất bán cho công ty FCC Việt Nam:

- Washing thinner : 1000 lít Đơn giá: 54.700 đồng/lít

- Thinner :100 lít Đơn giá : 57.000 đồng/lít

Ví dụ 2: Căn cứ vào hoá đơn 17522 ngày 01/12/2010 công ty xuất 100 lít Nip bán hàng cho công ty TNHH thương mại dịch vụ KHKN Đa bảo, đơn giá 17.820.000. Công ty chưa thanh toán

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 01/12

Họ tên người bán hàng: Công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO

Lí do xuất: Xuất bán cho công ty FCC

Xuất tại kho: (KVT)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng xuất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Washing thinner	lít	1.000	52.500	52.500.000
2	Thinner	lít	100	34.000	3.400.000
	Cộng				55.900.000

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): *Năm mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng .*

Xuất, ngày 01 tháng 12 năm 2010

P.KHKT

P.TCKT

CHT(thủ kho)

Người lập phiếu

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

SỔ CHI TIẾT SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Năm 2010

Tài khoản: 1551: Thành phẩm: Washing thinner

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6
		Dư đầu kỳ								
									
01/12	01/12/2010	Bán cho cty FCC	6322	52.500			1000	52.500.000	2365	124.320.100
05/12	01/12/2010	Bán chịu cho cty Hoà an	6322	52.600			123	6.469.800	2.242	117.850.300
									
		Cộng tháng			13.560	697.150.200	13.560	697.150.200		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích Sổ chi tiết sản phẩm hàng hóa Năm 2010 – Phòng KTTT công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

SỔ CHI TIẾT SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Năm 2010

Tài khoản: 1552: Thành phẩm: Thinner

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6
		Dư đầu kỳ								
									
01/12	01/12/2010	Bán cho cty FCC	6322	34.000			100	34.000.000	1.580	54.026.000
04/12	01/12/2010	Bán chịu cho cty Phà Rừng	6322	34.000			50	1.700.000	1.530	52.326.000
									
		Cộng tháng			8.560	398.640.200	8.560	398.640.200		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích Sổ chi tiết sản phẩm hàng hóa Năm 2010 – Phòng KTTT công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Tài khoản: 155

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	Tên sản phẩm hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Washing thinner		697.150.200	697.150.200	
2	Thinner		398.640.200	398.640.200	
				
	Cộng		5.431.664.480	5.431.664.480	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Trích Bảng tổng hợp chi tiết sản phẩm hàng hóa Năm 2010 – Phòng KTTC công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO)

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 02/12

Họ tên người bán hàng: Công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO

Lí do xuất: Xuất bán cho công ty Đa Bảo

Xuất tại kho: (KVT)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng xuất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Nip	lít	1.00	16.000	16.000.000
	Cộng				16.000.000

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): *Mười sáu triệu chẵn.*

Xuất, ngày 01 tháng 12 năm 2010

P.KHKT

P.TCKT

CHT(thủ kho)

Người lập phiếu

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

SỔ CHI TIẾT SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Năm 2010

Tài khoản: 1561: Thành phẩm: Nip

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6
		Dư đầu kỳ		15.500					1250	19.375.000
									
01/12	01/12/2010	Bán chịu cho cty Đa bảo	6321	16.000			1000	16.000.000	1230	19.680.000
07/12	01/12/2010	Bán chịu cho cty An Hà	6321	16.000			250	4.000.000	980	15.680.000
									
		Cộng tháng			11.051	174.605.800	11.230	176.311.000	1.071	17.669.800

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Trích Sổ chi tiết sản phẩm hàng hóa Năm 2010 – Phòng KTTT công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Tài khoản: 156

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên sản phẩm hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Nip	19.375.000	174.605.800	176.311.000	17.669.800
2	Butyl Acetat	46.400.000	215.256.450	198.253.000	63.403.450
				
	Cộng	2.711.229.547	6.925.469.024	7.956.421.328	1.680.277.243

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Trích Sổ chi tiết sản phẩm hàng hóa Năm 2010 – Phòng KTTC công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

SỔ CÁI

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
				
17521	01/12/2010	Bán thành phẩm cho công ty FCC, trả bằng chuyển khoản	155	55.900.000	
17522	01/12/2010	Bán hàng hoá cho công ty Đa Bảo. Chưa thanh toán	156	16.000.000	
				
001759 5	28/12/2010	Bán chất tẩy cho cty Mai Linh, chưa thanh toán	131	17.560.000	
001759 6	28/12/2010	Bán chất tẩy cho cty Phà Rừng, chưa thanh toán	131	36.125.530	
001759 7	28/12/2010	Bán hoá chất cho công ty Minh Thắng, chưa trả tiền		2.325.000	
				
	31/12/2010	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		12.232.390.588
Cộng phát sinh				12.232.390.588	12.232.390.588
Dư cuối kỳ				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Chi phí quản lý kinh doanh.

Công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO là một đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC của Bộ tài chính nên các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bán hàng và quản lý doanh nghiệp được hạch toán chung vào TK 642 "Chi phí quản lý kinh doanh", Công ty không mở sổ theo dõi chi tiết tài khoản 642.

Chi phí quản lý kinh doanh của công ty bao gồm:

- Chi phí tiền lương của nhân viên quản lý kinh doanh : Lương của nhân viên quản lý kinh doanh được tính theo mức lương cơ bản nhân với hệ số lương cơ bản cộng các khoản phụ cấp . Cuối tháng kế toán lập bảng chấm công, bảng thanh toán lương và các khoản trích theo lương cho toàn bộ nhân viên trong bộ phận quản lý kinh doanh. Sau đó kế toán kết chuyển vào chi phí, bằng cách ghi:

Nợ TK 642

Có TK 334

- Chi phí khấu hao TSCĐ được tính trên số năm sử dụng . Căn cứ vào sổ chi tiết TSCĐ được lập và bảng phân bổ khấu hao TSCĐ. Cuối tháng kế toán căn cứ vào bảng tính vào phân bổ khấu hao cho từng đối tượng, kế toán hạch toán bình thường. Khấu hao TSCĐ phục vụ cho bộ phận quản lý kinh doanh thì hạch toán vào chi phí bằng cách ghi:

Nợ TK 642

Có TK 214

- Phụ cấp độc hại cho nhân viên bán hàng.
- Chi quảng cáo tiếp thị, giao dịch tiếp khách:
- Chi phí vận chuyển: là các chi phí vận chuyển hàng hoá từ kho của công ty đến các cửa hàng bán lẻ, chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở hợp đồng vận chuyển đã được ký.
- Các khoản chi phí bằng tiền khác: Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí văn phòng và công tác,

Nợ TK 642

Nợ TK 133 (nếu có)

Có TK 111, 112,

2.2.4.1. Tài khoản kế toán sử dụng:

- Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh.

Doanh nghiệp không theo dõi chi tiết tài khoản 642.

2.2.4.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Bảng lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Hoá đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 642

Ví dụ: Bảng tính và thanh toán lương cho nhân viên quản lý tháng 12 năm 2010 có:

Lương phải trả công nhân viên : 85.000.000

Các khoản trích trừ vào lương (8.5%) : 7.225.000

Các khoản trích trừ vào chi phí (22%) : 18.700.000

Căn cứ vào bảng tính lương, phiếu chi kế toán ghi vào sổ kế toán có liên quan theo định khoản như sau:

Tính lương phải trả T12

Nợ TK 642 : 85.000.000

Có TK 334 : 85.000.000

Các khoản trích theo lương:

Nợ TK 334 : 7.225.000

Nợ TK 642 : 18.700.000

Có TK 338 : 25.925.000

Thanh toán lương tháng 12:

Nợ TK 334 : 59.075.000

Có TK 111 : 59.075.000

Ví dụ:

Căn cứ vào Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ ngày 31/12/2010, tập hợp được khấu hao TSCĐ phân bổ vào chi phí quản lý kinh doanh của tháng 12/2010 kế toán định khoản và phản ánh vào sổ kế toán .

Nợ TK 642 : 8.335.143

Có TK 214 : 8.335.143

Căn cứ vào các chứng từ phát sinh nghiệp vụ, kế toán ghi vào:

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 642
- Và các sổ sách khác có liên quan

BẢNG TRÍCH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 Năm 2010

Stt	Tên tài sản	Ngày tính KH	Giá trị tài sản đầu kỳ (Đầu tháng 12 năm 2010)			Số năm KH	Giá trị KH trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ			BP quản lý Kinh doanh	BP sản xuất
			Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại			Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại		
1	Ô tô NUIARA	01/01/07	256.366.900	229.982.454	229.982.454	10	2.029.572	256.366.900	232.012.026	24.354.875	2.029.572	
2	Ô tô bán tải	01/01/07	213.430.126	92.486.368	120.943.758	10	1.778.584	213.430.126	94.264.952	119.165.174	1.778.584	
3	Ô tô EVEREST	01/01/10	543.238.472	49.796.857	493.441.615	10	4.526.987	543.238.472	54.323.844	488.914.628	4.526.987	
4	Văn phòng nhà xưởng	01/01/10	1.863.847.648	345.252.704	1.518.594.944	11	13.932.064	1.863.847.648	359.184.768	1.504.662.880		13.932.064
5	Tài sản khu CBI	01/01/07	1.227.272.727	272.004.978	955.267.749	21	4.949.574	1.227.272.727	276.954.552	950.318.175		4.949.574
6	Máy ép viên	01/01/07	15.853.940	15.853.940		2		15.853.940	15.853.940			
											
	Tổng cộng		4.211.730.721	1.097.098.209	3.114.632.512		27.216.781	4.211.730.721	1.124.314.990	3.087.415.731	8.335.143	18.881.638

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

PHIẾU CHI

Số: 47/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 642: 59.075.000

Có TK 1111: 59.075.000

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Quang Huy

Địa chỉ:

Lý do thanh toán: Thanh toán cho nhân viên

Số tiền: 59.075.000 VNĐ

Viết bằng chữ: Năm mươi chín triệu không trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: ...2.... chứng từ gốc

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Thủ quỹ

Người nhận

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: *Năm mươi chín triệu không trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn.*

Khóa luận tốt nghiệp

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang		94.563.553.238	94.563.553.238
				
17521	01/12/2010	Bán thành phẩm cho công ty FCC, trả bằng chuyển khoản			
		Tiền Việt Nam-NH CT	1122	66.440.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		60.400.000
		VAT tương ứng	3331		6.040.000
		Giá vốn hàng bán	6322	55.900.000	
		Thành phẩm	155		55.900.000
				
BTL12	31/12/2010	Tiền lương phải trả CBQL	642	85.000.000	
		Phải trả công nhân viên	334		85.000.000
BTL12	31/12/2010	Các khoản trích theolương	642	7.225.000	
		Phải trả công nhân viên	334	18.700.000	
		Phải trả phải nộp khác	338		25.925.000
47/12	31/12/2010	chi tiền trả lương cho NV	334	59.075.000	
		Tiền mặt	1111		59.075.000
151/CT	31/12/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng Công Thương tháng 12	1122	357.868	
		Doanh thu hoạt động tài chính	515		357.868
BTKH/12	31/12/2010	Trích khấu hao TSCĐ			
		Chi phí quản lý kinh doanh	642	8.335.143	
		Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	154	18.881.638	
		Hao mòn lũy kế	214		27.216.781
				
Tổng cộng				140.220.238.588	140.220.238.588

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

SỔ CÁI

Tài khoản: 642 – Chi phí kinh doanh

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
				
25/12	13/12/2010	Chi tiền tiếp khách	642	10.000.000	
26/12	14/12/2010	Trả tiền sửa máy in	1111	580.000	
				
45/12	31/12/2010	Trả tiền điện tháng 12	1111	5.119.268	
BTL12	31/12/2010	Tiền lương phải trả CBQL	334	85.000.000	
BTL12	31/12/2010	Các khoản trích theo lương	338	7.225.000	
BTKH12	31/12/2010	Trích khấu hao tháng 12	214	8.335.143	
PKT	31/12/2010	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911		4.361.131.520
Cộng phát sinh				4.361.131.520	4.361.131.520
Dư cuối kỳ				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán chi phí tài chính.

Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO trong năm không phát sinh nhiều chi phí tài chính cho hoạt động tài chính của công ty, hoạt động tài chính chủ yếu là trả lãi vay ngân hàng hàng tháng.

2.2.5.1. Tài khoản, chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Tài khoản: TK635 – chi phí hoạt động tài chính: chủ yếu là các hoạt động trả lại tiền vay ngân hàng.

- Chứng từ :

- + Giấy báo trả lãi tiền vay
- + Các chứng từ khác có liên quan (nếu có)

-Sổ sách :

- + Sổ NKC
- + Sổ cái TK 635
- + Các sổ sách khác có liên quan

2.2.5.2. Quy trình hạch toán:

Khi phát sinh các nghiệp vụ thuộc chi phí tài chính kế toán định khoản:

Nợ TK 635: Chi phí trả lãi vay, chi phí liên doanh, liên kết...

Có TK 131,111,112,331: Chi phí trả lãi vay, chi phí liên doanh, liên kết...

Ví dụ:

Căn cứ vào PC45/01 ngày 31/01/2010: Trả tiền lãi vay vốn tháng 01/2010, số tiền: 27.000.000 đ.

PHIẾU CHI

Số: 45/12

Ngày 31 tháng 01 năm 2010

Nợ TK 635: 27.000.000

Có TK 1111: 27.000.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Hồng Huệ

Địa chỉ:

Lý do thanh toán:

Số tiền: 27.000.000 VNĐ

Viết bằng chữ: Hai mươi bảy triệu đồng.

Kèm theo: chứng từ gốc

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Thủ quỹ

Người nhận

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: Hai mươi bảy triệu đồng.

SỔ CÁI

Tài khoản: 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
045/01	31/01/2010	Trả lãi vay vốn tháng 01/2010	1111	27.000.000	
025/02	28/02/2010	Trả lãi vay vốn tháng 02/2010	1111	13.890.000	
27/03	15/03/2010	Trả lãi vay vốn góp	1111	13.890.000	
039/04	29/4/2010	Tiền lãi vay vốn T3+4/2010	1111	54.000.000	
				
046/11	30/11/2010	Trả tiền lãi vay vốn T11	1111	33.750.000	
52/12	31/12/2010	Trả tiền lãi vay vốn CNV	1111	17.062.500	
	31/12/2010	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		369.319.167
Cộng phát sinh				369.319.167	369.319.167
Dư cuối kỳ				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6. Kế toán chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế TNDN là phần đóng góp của doanh nghiệp vào ngân sách nhà nước tính trên phần lợi nhuận của doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính.

- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Cuối mỗi kỳ kế toán tập hợp các khoản doanh thu, chi phí để từ đó tính ra lợi nhuận trước thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Từ đó xác định thuế TNDN cần nộp trong kỳ theo công thức:

$$TTNDN = (DT - CP) \times 25\%$$

Tổng thu nhập trong kỳ của công ty là: 18.130.778.810

Tổng chi phí trong kỳ của công ty là: 17.629.263.813

==> Chi phí Thuế TNDN :

$$(18.130.778.810 - 17.629.263.813) \times 25\% = 125.378.749$$

*** Chứng từ sử dụng:**

Phiếu kế toán

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 06

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp	8211	3334	125.378.749
	Cộng			125.378.749

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 07

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển thuế TNDN	911	8211	125.378.749
	Cộng			125.378.749

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

SỔ CÁI

Năm 2010

TK 821 – Chi phí thuế TNDN phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
PKT08	31/12/2010	Thuế TNDN phải nộp	3334	125.378.749	
PKT09	31/12/2010	K/c thuế TNDN	911		125.378.749
Tổng cộng				125.378.749	125.378.749
Dư cuối kỳ				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

- LN khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Ví dụ: Cuối kỳ, kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển :

- K/c giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

Nợ TK 911: 17.259.944.646

Có TK 632: 12.898.813.126

Có TK 642: 4.361.131.520

- K/c chi phí hoạt động tài chính:

Nợ TK 911: 369.319.167

Có TK 635: 369.319.167

- K/c doanh thu bán hàng

Nợ TK 511: 18.054.197.811

Có TK 911: 18.054.197.811

- K/c doanh thu tài chính:

Nợ TK 515: 76.580.999

Có TK 911: 76.580.999

- Xác định chi phí thuế TNDN:

Nợ TK 8211: 125.378.749

Có TK 3334: 125.378.749

- K/c chi phí thuế TNDN:

Nợ TK 911: 125.378.749

Có TK 8211: 125.378.749

- K/c lãi:

Nợ TK 911: 376.136.248

Có TK 4212: 376.136.248

Cuối tháng, căn cứ vào bút toán kết chuyển để ghi Sổ cái TK 911 và TK 4212.

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 04

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	12.898.813.126
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	4.361.131.520
3	Kết chuyển chi phí tài chính	911	935	369.319.167
	Cộng			17.629.263.813

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 05

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	511	18.054.197.811
2	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	515	76.580.999
	Cộng			18.130.778.810

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 08

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển lãi	911	4212	376.136.248
	Cộng			376.136.248

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

SỔ CÁI

Năm 2010

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
				
PKT04	31/12/2010	K/c giá vốn hàng bán	632	12.898.813.126	
PKT04	31/12/2010	Kết chuyển chi phí bán hàng	642	4.361.131.520	
PKT04	31/12/2010	K/c hoạt động tài chính	635	369.319.167	
PKT05	31/12/2010	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		18.054.197.811
PKT05	31/12/2010	K/c doanh thu tài chính	515		76.580.999
PKT07	31/12/2010	K/c thuế TNDN	821	125.378.749	
PKT08	31/12/2010	K/c lãi	421	376.136.248	
Tổng cộng				18.798.078.665	18.798.078.665
Dư cuối kỳ				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích Sổ cái TK 911 Năm 2010-Phòng KTTC công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

Số 14, Lô 26D Khu đô thị Ngã 5 Sân Bay Cát Bi, P. Đông Khê, HP

SỔ CÁI

Năm 2010

TK 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			212.318.002
		Số phát sinh trong kỳ			
				
PKT01	31/01/2010	Kết chuyển lợi nhuận năm 2009	4211	212.318.002	
PKT08	31/12/2010	Kết chuyển lãi	911		376.136.248
Cộng phát sinh				212.318.002	376.136.248
Dư cuối kỳ					376.136.248

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO

3.1. Đánh giá thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.

3.1.1. Các kết quả đạt được trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, khi nước ta đã chính thức trở thành thành viên của của tổ chức Thương mại thế giới WTO, đánh dấu một bước ngoặt lớn đối với nền kinh tế Việt Nam, mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp. Mặt khác sự cạnh tranh và ảnh hưởng lẫn nhau ngày càng lớn giữa các doanh nghiệp, bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển thì phải tự tìm cho mình hướng đi và cách thức hoạt động hiệu quả nhất. Nhà nước tạo ra môi trường còn doanh nghiệp tạo ra thị trường để hoạt động. Doanh nghiệp được phép cạnh tranh trong khuôn khổ pháp luật, được nhà nước bảo vệ. Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO đã nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình, trong tình trạng nền kinh tế làm phát và sau đó là những tàn dư của lạm phát công ty vẫn đứng vững trên thị trường. Nhờ uy tín lâu năm của mình, trước sự biến động không ngừng của thị trường công ty vẫn làm ăn có hiệu quả.

Trước sự đổi mới của xã hội và nền kinh tế thị trường, công ty luôn cố gắng tiếp cận thị trường, quan tâm đến tăng cường củng cố công tác cán bộ, nâng cao nhận thức và khả năng bắt kịp khoa học công nghệ mới, đầu tư trang thiết bị nâng cao khả năng kinh doanh.

Trong những năm gần đây, công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO đã trải qua những giai đoạn thuận lợi và khó khăn, sự biến động của thị trường, tình trạng khủng hoảng kinh tế, lạm phát...tuy nhiên, công ty

TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO vẫn gặt hái được những thành tựu đáng kể, cụ thể là làm ăn vẫn có lãi, tổng thu nhập và lợi nhuận có xu hướng tăng.

Trong những năm vừa qua công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO đã không ngừng mở rộng thị trường, khai thác triệt để thị trường, đồng thời cũng tiếp tục phát huy thế mạnh của mình đối với thị trường quen thuộc. Để có được kết quả như ngày nay là sự đóng góp công sức rất lớn của đội ngũ nhân viên trong công ty, trong đó có sự đóng góp rất lớn của phòng tài chính kế toán. Với cách bố trí công việc hợp lý, công tác kế toán nói chung và công tác tiêu thụ nói riêng của công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO đã đi vào nề nếp và đạt được những thành tựu nhất định.

- **Về tổ chức bộ máy quản lý.**

Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO đã tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập chung gọn nhẹ, linh hoạt và có hiệu quả. Mọi hoạt động của công ty đều do giám đốc hoặc phó giám đốc trực tiếp điều hành và quản lý. Các phòng ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho giám đốc hoặc phó giám đốc, trực tiếp phụ trách các vấn đề về chuyên môn nghiệp vụ của mình đồng thời các phân xưởng bố trí thực hiện nhiệm vụ sản xuất từ công ty đưa xuống đảm bảo theo đúng yêu cầu.

- **Về tổ chức bộ máy kế toán**

Công ty có đội ngũ kế toán đầy năng lực và kinh nghiệm làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, bộ máy kế toán được sắp xếp phù hợp với yêu cầu và khả năng trình độ của từng người. Mỗi nhân viên trong phòng kế toán được phân công một mảng nhất định trong chuỗi mắt xích công việc chung. Chính sự phân công đó trong công tác kế toán đã tạo ra sự chuyên môn hóa trong công tác kế toán, giúp cho mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được giải quyết nhanh chóng, rành theo sự phân công công việc đã có sẵn.

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các chính sách và chế độ tài chính kế toán của nhà nước, mở các sổ kế toán hợp lý. Tại phòng kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép vào sổ đầy đủ được theo dõi thường xuyên và chặt chẽ.

Sổ sách được lập có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan, sử dụng đúng mẫu của bộ tài chính. Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ trong công ty là hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý.

Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO đã sử dụng các sổ sách kế toán và ghi chép số liệu một cách trung thực, đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi phương pháp tính toán và các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và bộ phận có liên quan.

- **Về hình thức kế toán**

Công ty đã áp dụng hệ thống kế toán mới do bộ tài chính ban hành vào công tác kế toán. Công ty vận dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc áp dụng hình thức kế toán này đảm bảo ghi chép thông tin một cách đầy đủ, chi tiết, chính xác, kịp thời, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu thông tin sau này, giúp kế toán trưởng nắm bắt được chi tiết, đầy đủ, nhanh chóng kết quả kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO được tiến hành tương đối hoàn chỉnh.

Công ty đã sử dụng đúng mẫu chứng từ theo đúng quy định với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phản ánh đầy đủ nội dung và tính trung thực của thông tin. Kế toán thực hiện tốt việc kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ, đảm bảo tính chính xác cao, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc của kế toán khi cần so sánh và đối chiếu số liệu.

Tài khoản kế toán công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO sử dụng được thực hiện theo đúng chế độ ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính, đảm bảo cập nhật những quy định mới nhất về tài khoản kế toán

Chứng từ được luân chuyển đúng quy định và có sự quy định trách nhiệm rõ ràng.

3.1.2. Các tồn tại.

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung, công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của công

ty, công ty vẫn còn những hạn chế nhất định mà công ty cần khắc phục.

Tồn tại 1: Về vận dụng tài khoản kế toán:

- Công ty thực hiện hệ thống tài khoản theo quyết định 48 . Theo quyết định này, tài khoản 642 “chi phí quản lý kinh doanh” bao gồm 2 tài khoản cấp 2 là 6421 “ chi phí bán hàng” và 6422 “ chi phí quản lý doanh nghiệp”. Trong hệ thống sổ sách của công ty, kế toán chưa hạch toán chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2. Như vậy sẽ khó khăn cho việc phân biệt giữa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, khó khăn trong công tác dự toán và kiểm soát chi phí cũng như đề ra các biện pháp nhằm giảm chi phí.

Trong năm qua công ty không có chính sách thu hút khách hàng, thúc đẩy việc tiêu thụ như: các khoản chiết khấu thương mại

Tồn tại 2: Về vấn đề vận dụng khoa học công nghệ trong tổ chức kế toán:

Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO đã áp dụng máy tính vào công tác hạch toán kế toán. Tuy nhiên, hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào, mới chỉ xây dựng được một số phần hành trên Excel, Word và việc ghi chép còn thủ công. Trong khi đó, hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều, kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển rất nhanh chóng, vì vậy, việc áp dụng công nghệ máy tính vào công tác tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

- Tại phòng kế toán, công tác thu thập chứng từ và chưa có công tác phân loại. Bộ chứng từ được kế toán lưu chung thành một bộ gồm Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Phiếu chi... Như vậy khi đối chiếu và kiểm tra chứng từ gốc sẽ gặp nhiều khó khăn. Các báo cáo kế toán của công ty là báo cáo định kỳ, các báo cáo nhanh chưa được thực hiện nên tính động của thông tin kế toán chưa cao.

Tồn tại 3: Về phương thức tiêu thụ hàng hóa

Có rất nhiều phương thức bán hàng và tiêu thụ hàng hóa thành phẩm, để đưa hàng hóa thành phẩm tới tận tay người tiêu dùng có rất nhiều phương thức

ví dụ như: bán hàng qua đại lý, bán hàng qua kho, bán trực tiếp không qua kho... song để quyết định phương thức nào là phù hợp nhất còn phụ thuộc vào đặc tính của hàng hóa, thành phẩm.

Tại công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO sản phẩm chủ yếu là hoá chất. Hoá chất được mua về nhập kho. Vì vậy công ty sử dụng phương thức tiêu thụ thành phẩm chủ yếu là xuất bán qua kho và giao dịch bằng điện thoại..

Công ty không sử dụng phương thức bán hàng qua đại lý. Bán hàng qua đại lý là một phương thức bán hàng mang lại hiệu quả cao trong việc giới thiệu sản phẩm tới người tiêu dùng và mang sản phẩm tới tay người tiêu dùng một cách nhanh nhất. Vì vậy công ty không sử dụng phương thức bán hàng qua đại lý là một thiếu sót và điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ tới việc tiêu thụ và tìm kiếm doanh thu cho công ty.

. Tồn tại 4: Chính sách tiêu thụ sản phẩm.

Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó tạo ra sức hấp dẫn lôi cuốn và thu hút khách hàng.

Công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMZCO trong quá trình tiêu thụ không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho khách hàng khi mua hàng và thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi này sẽ làm giảm không nhỏ số lượng khách hàng của công ty và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty.

3.1.3. Nguyên nhân của tồn tại.

Bên cạnh những thành tích mà công ty đã đạt được vẫn còn những điểm chưa tốt mà công ty cần khắc phục trong năm tới để sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn. Nguyên nhân của các tồn tại ấy đó là :

- Do kế toán còn chưa chú trọng đến việc phân loại chi phí nên dễ xảy ra tình trạng không theo dõi chi tiết tài khoản 642 " chi phí quản lý kinh doanh".
- Sau nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh trên thị trường công ty đã

tạo dựng được chỗ đứng của mình, các sản phẩm của công ty luôn đảm bảo chất lượng vì thế công ty luôn cho rằng khách hàng sẽ đặt uy tín lên hàng đầu nên không có các chính sách thu hút khách hàng. Đây là nhược điểm của công ty. trong năm tới cần thay đổi để thu hút nhiều khách hàng hơn, làm tăng doanh thu và lợi nhuận

- Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán máy là do công ty chưa chú trọng đến công tác kế toán, chưa tin tưởng hoàn toàn vào phần mềm kế toán. Vì thế mà phần mềm kế toán chưa được áp dụng trong công ty.

3.2. Các kiến nghị để hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp đơn vị quản lý chặt chẽ hoạt động tiêu thụ, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó, giúp doanh nghiệp có biện pháp thúc đẩy qua trình tiêu thụ, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành sản phẩm, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cung cấp tài liệu đáng tin cậy, có độ chính xác cao, giúp nhà quản lý đề ra những biện pháp kịp thời, giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

Qua quá trình thực tập tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO, trên cơ sở tìm hiểu và nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã học, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế. Nếu được khắc phục, phần hành kế toán của công ty sẽ hoàn thiện hơn. Sau đây là một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- **Ý kiến 1:** Hoàn thiện kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh

nghiệp cũng như việc sử dụng và phân loại chi phí này, để từ đó lập dự toán chi phí, chủ động điều tiết. Nhưng công ty ở các khoản mục chi phí đều tập hợp và phản ánh trên TK 642 “chi phí quản lý kinh doanh”, không hạch toán chi tiết trên từng khoản mục chi phí. Do đó, thông tin mà kế toán cung cấp chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý.

Để giải quyết hạn chế, kế toán nên sử dụng 2 tài khoản cấp 2 của tài khoản 642 là tài khoản 6421 “chi phí bán hàng” và tài khoản 6422 “chi phí quản lý doanh nghiệp”. Việc này là cần thiết vì nó giúp kế toán xác định kết quả cụ thể, chính xác, giúp cho việc theo dõi quản lý được dễ dàng, từ đó đề ra các biện pháp quản lý hữu hiệu đối với các khoản chi phí này.

Ví dụ : Ngày 10/12 Công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO thanh toán tiền điện phục vụ cho bộ phận quản lý số tiền là 700.000 đồng (chưa thuế GTGT), đã trả bằng tiền mặt.

Kế toán thu thập hóa đơn và định khoản như sau:

Nợ TK 6422: 700.000

Nợ TK 133: 70.000

Có TK 111: 770.000

- Hiệu quả của việc hoàn thiện :

Đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý của nhà nước do Bộ tài chính ban hành. Nhân viên kế toán có cơ sở để xác định đúng, chính xác kết quả kinh doanh, cung cấp cho nhà lãnh đạo công ty thông tin mang tính chất thường xuyên, liên tục, có hệ thống về tình hình thực hiện cũng như những biến động của các khoản mục chi phí phát sinh, phân đầu điều tiết chi phí sao cho khoản chi phí giảm thiểu được tối đa, đồng thời giúp cho công tác thanh tra của các cơ quan quản lý được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng hơn.

- **Ý kiến 2:** Công ty có thể áp dụng hệ thống kế toán máy. vì như thế sẽ giúp cho công việc hạch toán được dễ dàng, nhanh chóng, chính xác, Có thể đưa ra được báo cáo nhanh khi quản lý cần và đem lại hiệu quả cao cho công tác hạch toán kế toán cũng như công tác quản lý.

- **Ý kiến 3:** Chứng từ gốc khi được chuyển về văn phòng cần phải được

phân loại, sắp xếp theo từng nội dung để thuận tiện cho công tác theo dõi, đối chiếu số liệu.

- **Ý kiến 4:** Để đạt được hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp cần chú ý đến vấn đề về nhân sự, hoàn thiện vấn đề về nhân sự, nâng cao hiệu quả công tác kế toán bằng cách nâng cao trình độ của các cán bộ phòng kế toán, nâng cao trình độ tin học, bắt kịp với khoa học công nghệ mới.

- **Ý kiến 5:** Trong kỳ, doanh nghiệp chưa có các chính sách bán hàng nhằm thu hút khách hàng khách hàng mở rộng thị trường trong và ngoài nước như: chiết khấu thương mại. Bên cạnh đó để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm hàng hàng hoá công ty nên mở mạng lưới đại lý ở nhiều nơi, nhiều khu vực công nghiệp, bán hàng qua mạng, qua điện thoại. hoặc trực tiếp.

- **Ý kiến 6:** Số lượng hàng hoá bán của công ty đa số là bán chưa thanh toán vì thế doanh nghiệp nên có những chính sách hợp lý để thu hồi các khoản công nợ nhanh chóng, phục vụ cho công tác quay vòng vốn trong sản xuất kinh doanh như : Các khoản chiết khấu thanh toán...

KẾT LUẬN

Việc kinh doanh hàng hoá của doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp làm chiếc cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng với mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng sản phẩm bán ra không những trong thị trường nội địa mà ngay cả thị trường nước ngoài và giảm thiểu chi phí nhưng vẫn không làm giảm chất lượng hàng hoá dịch vụ. Bởi vậy, trong bối cảnh nền kinh tế đang trong tình trạng khủng hoảng thì hơn lúc nào hết tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO cũng đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện. Bằng khoá luận tốt nghiệp, em xin đóng góp một vài ý kiến nhỏ bé góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói riêng và công tác quản lý nói chung của công ty.

Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, nhưng sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế và thời gian nghiên cứu có hạn nên nội dung của khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô và các anh chị trong phòng kế toán tại công ty TNHH công nghiệp hóa chất INCHEMCO để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Tiến Sĩ Nghiêm Thị Thà, cảm ơn các cô bác trong phòng Tài chính kế toán của công ty cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khoá luận này.

Hải phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Lê Thị Quyên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 2- Chế độ kế toán doanh nghiệp - Bộ tài chính
 - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
 - Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán
- 3- Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 4- Khóa luận của các anh chị khoá trên trường ĐHDL Hải Phòng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I : TỔNG QUAN LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	7
1.1.Khái niệm cơ bản.....	7
1.1.1.Tiêu thụ sản phẩm:	7
1.1.2.Doanh thu	7
1.1.3.Chi phí	9
1.1.4.Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:.....	11
1.3.Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	12
1.3.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	12
1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	19
1.3.3.Kế toán giá vốn hàng bán.	23
1.3.5.Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính.....	32
1.3.6.Kế toán các khoản thu nhập khác, chi phí khác.....	38
1.3.7.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	42
1.3.7.1.Kế toán chi phí thuế TNDN:	42
1.3.7.2.Xác định kết quả kinh doanh.	43
1.4.Các hình thức kế toán.	45
1.4.1. Chứng từ sử dụng.	45
1.4.2. Hình thức nhật ký chung.....	41
1.4.3. Hình thức nhật ký - Sổ cái.....	43
1.4.4. Hình thức nhật ký chứng từ.....	44
1.4.5. Hình thức chứng từ ghi sổ.....	45
1.4.6.Hình thức kế toán trên máy tính.....	46
CHƯƠNG II : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI.....	52
2.1.Tổng quan về công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.....	52
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.....	52
2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.	53
2.1.3.Một số kết quả đạt được và định hướng phát triển của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.	57
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.....	59
Sinh viên: Lê Thị Quyên – Lớp: QT 1103K	123

Khóa luận tốt nghiệp

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.....	63
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng	63
2.2.2. Kế toán doanh thu tài chính.....	76
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.	82
2.2.4. Chi phí quản lý kinh doanh.....	88
2.2.5. Kế toán chi phí tài chính.....	99
2.2.6. Kế toán chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	102
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	102
CHƯƠNG III MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT INCHEMCO	113
3.1. Đánh giá thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.	113
3.1.1. Các kết quả đạt được trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	113
3.1.2. Các tồn tại.....	115
3.1.3. Nguyên nhân của tồn tại.....	117
3.2. Các kiến nghị để hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH công nghiệp hoá chất INCHEMCO.	118
TÀI LIỆU THAM KHẢO	122